

SỐ 362

KINH A DI ĐÀ

*Hán dịch: Đời Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.*

QUYỂN THƯỢNG

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt cùng chúng Đại Tỳ-kheo một vạn hai ngàn vị. Họ đều là những vị A-la-hán thanh tịnh. Tên của các vị ấy là: Hiền giả Câu-lân, Hiền giả Bạt-trí, Hiền giả Ma-ha Na-di, Hiền giả Hàm-thi, Hiền giả Tu-mãn-nhật, Hiền giả Duy-mạt-đề, Hiền giả Bất-nãi, Hiền giả Ca-vi-bạt-đề, Hiền giả Ưu-vi Ca-diếp, Hiền giả Na-ý Ca-diếp, Hiền giả Na-dực Ca-diếp, Hiền giả Xá-lợi-phất, Hiền giả Ma-ha Mục-kiền-liên, Hiền giả Ma-ha Ca-diếp, Hiền giả Ma-ha Ca-chiên-diên, Hiền giả Ma-ha Yết-tân, Hiền giả Ma-ha Cầu-tư, Hiền giả Ma-ha Phạm-đề, Hiền giả Bân-đề-văn-đà-phất, Hiền giả A-nan-luật, Hiền giả Nan-đề, Hiền giả Bình-tỳ-đề, Hiền giả Tu-phong, Hiền giả Lệ-việt, Hiền giả Ma-ha Lan-ghe, Hiền giả Ma-ha Ba-la-diên, Hiền giả Ba-cưu-lê, Hiền giả Nan-trì, Hiền giả Mãn-phong-lê, Hiền giả Tát-yết, Hiền giả Lệ-việt v.v... Các Tỳ-kheo như vậy rất đông, đến số ngàn ức vạn người. Tất cả đều là những vị Bồ-tát, A-la-hán, đều là những Hiền giả cùng ở trong đại hội, nhiều vô số không thể tính đếm được.

Khi ấy, Đức Phật ngồi chánh niệm, suy tư về đạo. Trên khuôn mặt Ngài tỏa ra ánh sáng chín màu và từ đó tỏa ra trăm ngàn ánh sáng lớn rực rỡ vô cùng.

Hiền giả A-nan đứng dậy, sửa y phục tề chỉnh, đến trước Phật quỳ xuống, chắp tay cung kính đánh lễ dưới chân rồi thưa:

–Tại sao hôm nay trên mặt Phật tỏa hào quang, lại luôn luôn biến đổi ánh sáng như vậy? Và ánh sáng ấy có đến trăm ngàn màu rực rỡ tỏa chiếu muôn nơi? Từ khi làm thị giả Phật đến nay, con chưa từng thấy sắc diện của Phật có sự chiếu sáng như hôm nay. Con chưa từng thấy oai thần ánh sáng của bậc Chánh Đẳng Giác đến như vậy. Phải chăng Phật có ý chi đặc biệt. Con xin muốn nghe điều đó.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Có những trời, thần nào bảo ông, hay chư Phật dạy ông hỏi Ta chăng? Hay là từ nơi thiện tâm của ông phát ra câu hỏi như vậy?

Hiền giả A-nan bạch Phật:

–Không có trời, thần nào bảo con, cũng không có chư Phật dạy con thưa hỏi như vậy mà từ nơi thiện tâm của con biết ý Phật nên mới thưa như vậy. Mỗi sự đi, đứng, nằm, ngồi, ra, vào, hay nơi Phật muốn đến, hay việc sẽ làm và những điều Phật dạy bảo con, con đều hiểu ý Phật ngay. Nay Phật đang riêng nghĩ đến chư Phật thời quá khứ, chư Phật trong vị lai, hay cõi Phật phương khác và chư Phật ngay trong hiện tại. Một mình Phật lần lượt nghĩ nhớ cho nên sắc diện của Phật tỏa sáng rực rỡ như vậy.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Hiền giả A-nan! Ông đã hỏi điều rất sâu xa, mang lại nhiều sự cứu độ và an vui cho mọi loài. Người mà hỏi Phật như vậy thật là vượt bậc gấp bội sự cúng dường A-la-hán, Phật-bích-chi hay bố thí chư Thiên, loài người và những loài động vật lớn nhỏ trong cả thiên hạ trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp.

Này A-nan! Nay ông đã độ thoát cho hàng chư Thiên, vua chúa, dân chúng và vạn loại côn trùng. Oai thần của chư Phật vô cùng sâu nặng, khó mà tiếp nhận nổi. Những điều ông hỏi rất sâu xa, chỉ có ông mới khởi tâm từ, ở chỗ Phật, thương tưởng chư Thiên, vua chúa, dân chúng. Những vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào mà có nhiều nghiệp thiện, tiếp nhận được đều sẽ được hóa độ.

Này A-nan! Như ở thế gian có cây Ưu-đàm, có quả mà không có hoa. Trong thiên hạ có Phật, chính là có hoa Ưu-đàm nở. Ở đời nếu gặp được Phật là một điều rất khó. Nay Ta làm Phật xuất hiện nơi thế

gian, chỉ có Đại đức thánh minh tâm thiện mới biết trước được ý Phật và không quên hầu hạ bên cạnh Phật.

Đức Phật bảo A-nan:

–Có một sự kiện từ quá khứ xa xôi, từ vô số kiếp đã qua, kiếp ấy nhiều vô lượng không thể tính đếm được. Bấy giờ, có Đức Phật quá khứ hiệu là Đê-hòa-kiệt-la. Kế đến có Phật hiệu Chiên-đà-ỷ. Thời đó đã qua, kế đến có Phật hiệu là Tu-ma-phù-kiếp-ba-tát-đa, lại có Phật hiệu Duy-mạc-lâu, A-nan-na-lợi, Na-kiệt-tỳ, Kỳ-lê-câu-giá-ba-la-dạ-thái, Di-ly-câu-lâu, Bạt-đà-ni, Châu-đề-ba, Phàm-phù-để, Đọa-lâu-lặc-da, Chiên-đà-hổ-tư, Tu-da-duy-vu-sa, Câu-hoàn-di-bát-ma-kỳ, Thi-lợi-cốt-chi, Ma-ha-na-đề, Kỳ-đầu-ma-đề, La-lân-kỳ-ly, Du-lâu-câu-lộ-thái, Mãn-hô-quần-ni-bát-tân-hầu, Chiên-đà-thâu-du-bạt-hòa-sa, Chiên-đà-thái-câu-sâm, Phan-ba-lệ-tần-ni, Bạt-ba-hòa-tư, A-thuật-kỳ-đà-yết-lệ, Vật-thự-đề, Chất-dạ-thái, Đàm-ma-hòa-đề, Si-da-duy-hầu-chất, Lâu-da-đối, Tăng-ca-la-di-lâu-ca-đối, Đàm-vị-ma-đề-a-duy-nan-đề.

Đức Phật bảo A-nan:

–Kế tiếp có Phật hiệu Lâu-di-hằng-la, giáo hóa ở thế gian đến bốn mươi hai kiếp. Bấy giờ, có vị đại quốc vương nghe kinh Phật dạy, tâm trí được tỏ ngộ nên rất hoan hỷ, liền bỏ ngôi vua, xuất gia làm Sa-môn, tên là Đàm-ma-ca, chuyên thực hành đạo Bồ-tát. Ông là người tài cao, trí tuệ dũng mãnh, là bậc trác tuyệt trong thế gian. Vị Sa-môn đó đi đến chỗ Phật Lâu-di-hằng-la, cúi đầu đánh lễ và quỳ gối chấp tay thưa: “Bạch Thế Tôn! Con muốn xin Phật cho phép con thực hành đạo Bồ-tát để sau khi thành Phật, con được ở trong vô số chư Phật khắp mười phương, có trí tuệ dũng mãnh, tối thắng, trên đầu có hào quang như Phật và hào quang ấy tỏa chiếu đến vô cùng vô tận. Cõi nước con ở tự nhiên có bảy báu rất tốt đẹp, làm cho con sau khi thành Phật, giáo pháp và danh hiệu vang khắp vô số cõi nước khắp mười phương, không nơi nào mà không nghe biết danh hiệu của con. Vô số trời người cho đến vạn loại côn trùng nào mà sinh đến nước con, con đều làm cho họ trở thành những Bồ-tát, A-la-hán thù thắng hơn các cõi nước khác. Những ước nguyện của con như thế có thể đạt được chăng?”.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Phật Lô-hi-hằng-la biết rõ những điều mong ước toàn thiện và cao cả của Bồ-tát Đàm-ma-ca, nên bảo Bồ-tát ấy: “Ví như có người đong lường nước biển mênh mông trong trời đất, suốt một kiếp không ngừng thì vẫn có thể làm cho nước biển cả khô cạn đến tận đáy bùn. Người chí tâm cầu đạo thiết tha như thế, lẽ nào không đắc đạo? Nếu người tinh tấn tìm cầu không ngưng nghỉ, cuối cùng sẽ được tùy tâm mãn nguyện cũng như vậy”. Bồ-tát Đàm-ma-ca nghe Phật Lô-hi-hằng-la nói kinh này xong, vô cùng hoan hỷ phấn chấn. Đức Phật ấy đã tuyển chọn những điều thiện ác của chư Thiên và loài người trong hai trăm mười ức cõi Phật. Sự tốt xấu của cõi nước ấy đều được hình thành nên từ những ước muốn trong tâm thức. Khi Phật Lô-hi-hằng-la giảng vừa xong, Bồ-tát Đàm-ma-ca nhất tâm chánh niệm, liền được thiên nhãn thấy suốt khắp tất cả. Bồ-tát tự thấy sự tốt xấu nơi cõi nước, những điều thiện ác của chư Thiên hay loài người trong hai trăm mười ức cõi Phật tức là tuyển chọn sự tốt xấu ấy được hình thành nên từ những ước muốn trong tâm thức để đúc kết thành kinh hai mươi bốn lời nguyện này. Bồ-tát thực hành theo lời nguyện, tinh tấn dũng mãnh, ân cần khổ nhọc tìm cầu trong vô số kiếp như vậy và cúng dường hầu hạ các Đức Phật thời quá khứ cùng trải qua vô số kiếp. Sau đó, Bồ-tát Đàm-ma-ca được thành Phật hiệu A-di-đà, có trí tuệ dũng mãnh tối thượng và hào quang rực rỡ không gì sánh được. Hiện Đức Phật ấy đang ở nơi cõi nước vô cùng tốt đẹp, giáo hóa cho vô số chư Thiên, loài người, cho đến vạn loài côn trùng khắp mười phương, khiến cho tất cả vượt khỏi lo buồn đau khổ và được giải thoát an vui.

Đức Phật bảo A-nan:

–Khi còn làm Bồ-tát, Đức Phật A-di-đà thường phụng hành hai mươi bốn lời nguyện, quý trọng còn hơn là châu báu, cẩn thận cung kính bảo trì, tinh tấn chánh niệm theo hạnh nguyện không hề trễ nải. Đây thật là một điều siêu tuyệt cao vời không một ai sánh kịp.

Đức Phật dạy:

–Hai mươi bốn nguyện ấy là:

1. Nguyện thứ nhất: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho trong nước của mình không có địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và những loài côn trùng nhỏ nhít. Nếu được như lời nguyện Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

2. Nguyện thứ hai: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho trong nước của mình không có đàn bà, con gái. Người nào sắp sinh vào nước Ta, liền trở thành người nam. Vô số chư Thiên, loài người hay những loài côn trùng nhỏ nhít sinh đến nước Ta đều hóa sinh tử hoa sen trong ao bảy báu, có thân hình cao lớn và đều là Bồ-tát, A-la-hán nhiều vô số. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế Ta không thành Phật.

3. Nguyện thứ ba: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho đất trong nước của mình tự nhiên thành bảy báu, thoáng mát, rộng lớn, mênh mông và vô cùng tốt đẹp, mịn màng. Nhà cửa, nơi chốn, y phục, thực phẩm hoàn toàn tự nhiên mà có, giống như chỗ cư ngụ của vua trời thứ sáu. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

4. Nguyện thứ tư: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho danh hiệu của mình vang khắp mười phương nơi vô số cõi nước và làm cho các Tỳ-kheo lớn ở trú xứ của các Đức Phật đều nói lên công đức cùng những sự tốt đẹp của cõi nước Ta. Chư Thiên và loài người hay những loài côn trùng nghe danh hiệu của Ta đều được tâm từ, hoan hỷ phấn chấn, và sinh vào cõi nước Ta. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

5. Nguyện thứ năm: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho vô số trời người và những loài côn trùng nhỏ nhít khắp mười phương dù đời trước đã làm việc ác mà được nghe tên Ta và muốn sinh vào cõi nước của Ta, liền tự hối lỗi, trở lại con đường chân chánh, học đạo, thực hành điều thiện, giữ gìn giới kinh, ước nguyện sinh sang nước Ta không gián đoạn. Đến lúc họ qua đời, khiến cho họ không bị rơi vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, mà được sinh vào nước Ta, được tùy tâm mãn nguyện. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

6. Nguyện thứ sáu: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho trời người hay thiện nam thiện nữ nơi vô số cõi nước khắp mười phương muốn sinh vào nước Ta, thường làm nhiều việc thiện, hoặc bố thí, xông hương, nhiễu tháp, thấp đèn, rải hoa, treo tơ lụa nhiều màu, cúng dường Sa-môn, làm chùa, xây tháp, đoạn trừ ái dục, sinh sang nước Ta làm Bồ-tát. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không

được như thế, Ta không thành Phật.

7. Nguyện thứ bảy: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho chư Thiên, dân chúng nơi vô số cõi nước khắp mười phương, hoặc có người thiện nam, thiện nữ nào hành đạo Bồ-tát, phụng hành sáu Ba-la-mật, hoặc làm Sa-môn không phá hủy kinh giới, trai giới thanh tịnh, đoạn trừ ái dục, nhất tâm chánh niệm, muốn sinh vào nước của Ta ngày đêm không giai đoạn, thì đến khi người ấy sắp qua đời, Ta và các vị Bồ-tát, A-la-hán cùng bay đến nghênh đón người ấy, sinh ngay vào nước của Ta làm Bồ-tát Bất thoái chuyển, có trí tuệ dững mãi. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

8. Nguyện thứ tám: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát trong nước của mình đầy đủ mọi hạnh nguyện. Nếu ai muốn sinh đến cõi Phật phương khác, Ta sẽ làm cho họ không trở lại chốn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, khiến đắc đạo thành Phật. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

9. Nguyện thứ chín: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình mặt mũi đoan nghiêm, thuần khiết vô cùng đẹp đẽ. Họ có cùng một sắc diện, cùng một giống loại, đều như người ở cõi trời thứ sáu. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

10. Nguyện thứ mười: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình đều cùng nhất tâm nhớ nghĩ, ước muốn như nhau, và họ đoán biết ý nhau muốn nói điều chi. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

11. Nguyện thứ mười một: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình không có lòng dâm dục, không bao giờ có ý nghĩ đến phụ nữ, không bao giờ có kẻ sân hận, ngu si. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

12. Nguyện thứ mười hai: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình không bao giờ có tâm oán ghét nhau. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được

như thế, Ta không thành Phật.

13. Nguyên thứ mười ba: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm các Bồ-tát, A-la-hán cho trong nước của mình cùng nhau cúng dường vô số chư Phật khắp mười phương, tức thì tất cả những vật dụng họ cần sẽ tự nhiên bay đến ngay trước mặt. Họ đem những vật dụng đó đến cúng dường chư Phật. Sau khi đã cúng dường khắp các Đức Phật rồi, đến gần trưa, họ bay trở về nước Ta. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

14. Nguyên thứ mười bốn: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình khi muốn thọ trai, tức thì tự nhiên trong bát bầy bấu có trăm vị thức ăn ngay trước mặt. Thọ trai xong, những bát ấy tự nhiên mất đi. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

15. Nguyên thứ mười lăm: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho thân thể của các Bồ-tát trong nước của mình toàn màu vàng rực, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp giống như Phật. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

16. Nguyên thứ mười sáu: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát và A-la-hán trong nước của mình có âm thanh như ba trăm tiếng chuông đồng. Họ nói kinh hay hành đạo đều như Phật. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

17. Nguyên thứ mười bảy: Nếu khi thành Phật, bản thân Ta có thể thấy và nghe xuyên suốt tất cả, bay đi vượt hơn các Đức Phật gấp mười lần. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

18. Nguyên thứ mười tám: Nếu khi thành Phật, trí tuệ thuyết kinh, hành đạo của Ta phải vượt hơn các Đức Phật gấp mười lần. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

19. Nguyên thứ mười chín: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho hàng trời người và những loài côn trùng nhỏ nhiệm nơi vô số cõi nước khắp mười phương đều được sinh làm người, làm Phật-bích-chi và A-la-hán. Tất cả họ đều nhất tâm tọa thiền, cùng muốn tính đếm để biết

tuổi thọ của Ta là bao nhiêu ngàn vạn ức năm, nhưng không ai có thể biết hết được tuổi thọ ấy. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

20. Nguyện thứ hai mươi: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho hàng trời người và những loài côn trùng nhỏ nhít trong ngàn ức cõi nước khắp mười phương đều được làm Phật-bích-chi và A-la-hán, đều nhất tâm tọa thiền, cùng muốn tính đếm số Bồ-tát, A-la-hán trong nước của Ta có bao nhiêu ngàn vạn ức người, nhưng không ai có thể biết được số người ấy là bao nhiêu. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

21. Nguyện thứ hai mươi một: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình thọ đến vô số kiếp. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

22. Nguyện thứ hai mươi hai: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình đều có trí tuệ dũng mãnh, tự biết vạn ức kiếp đời trước, biết việc đã làm tự thọ xa xưa, biết việc thiện hay ác, thấy xuyên suốt tất cả không ngăn ngại, biết việc quá khứ, vị lai, hiện tại khắp mười phương cõi. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

23. Nguyện thứ hai mươi ba: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình đều có trí tuệ dũng mãnh, có hào quang trên đỉnh. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

24. Nguyện thứ hai mươi bốn: Nếu khi thành Phật, trên đỉnh đầu của Ta có ánh sáng tuyệt đẹp, sáng hơn cả mặt trăng, mặt trời gấp trăm ngàn vạn ức lần, tuyệt diệu hơn ánh sáng của chư Phật. Ánh sáng ấy chiếu rọi khắp vô số trời đất, cho đến nơi tăm tối nhất cũng được tràn đầy. Chư Thiên, loài người và những loài côn trùng nhỏ nhít gặp được ánh sáng của Ta, không ai mà không phát khởi tâm từ làm việc thiện, và tất cả đều sinh sang nước của Ta. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Khi còn làm Bồ-tát, Đức Phật A-di-đà thường hành trì theo hai

mười bốn lời nguyện này. Bồ-tát bố thí, không phạm giới cấm, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, chí nguyện thường dưng mãnh, không hủy phạm kinh pháp, tìm tòi không mệt mỏi, sống đơn độc, giữ bỏ vương vị, đoạn tuyệt tài sắc, sáng suốt nguyện cầu không kể thân sơ. Bồ-tát đã tích lũy công đức trong vô số kiếp, cho đến ngày nay đạt được quả vị Phật, thành tựu viên mãn vẫn không mất công phu tu tập đã qua.

Đức Phật dạy:

– Ánh sáng của Phật A-di-đà tối thượng bậc nhất, ánh sáng của chư Phật khác không thể nào sánh kịp. Vô số chư Phật trong mười phương, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu bảy trượng, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu một dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu hai dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu năm dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến mười dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến hai mươi dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến bốn mươi dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến tám mươi dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến một trăm sáu mươi dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến ba trăm hai mươi dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến sáu trăm bốn mươi dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến một ngàn ba trăm dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến hai ngàn sáu trăm dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến năm ngàn hai trăm dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến một vạn bốn trăm dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến hai vạn một ngàn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến bốn vạn hai ngàn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến tám vạn bốn ngàn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến mười bảy vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến ba mươi lăm vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến bảy mươi vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến một trăm năm mươi vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến ba trăm vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến sáu trăm vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến một cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến hai cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến bốn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến tám cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến mười lăm

cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến ba mươi cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến sáu mươi cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến một trăm hai mươi cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến hai trăm bốn mươi cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến năm trăm cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến một ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến hai ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến bốn ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến tám ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến một vạn sáu ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến ba vạn hai ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến sáu vạn bốn ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến mười ba vạn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến hai mươi sáu vạn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến năm mươi vạn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến một trăm vạn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến hai trăm vạn cõi nước.

Đức Phật dạy:

–Khắp mười phương có vô số chư Phật đều có ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu như vậy. Ánh sáng trên đỉnh của Đức Phật A-di-đà tỏa chiếu đến ngàn vạn cõi nước. Vì sao ánh sáng của các Đức Phật tỏa chiếu có gần có xa? Vì thuở xưa, vào những đời trước khi các Đức Phật ấy còn là Bồ-tát, cầu đạo sở nguyện và công đức của mỗi vị có lớn có nhỏ, nên đến khi thành Phật mỗi vị tự đạt phước báo khác nhau, và vì thế cho nên ánh sáng ấy tỏa chiếu không bằng nhau. Oai thần của các Đức Phật bằng nhau, cho nên các vị tự tại hành động theo ý muốn, chứ không có dự tính. Ánh sáng của Đức Phật A-di-đà tỏa chiếu rộng lớn mệnh mệnh đến tận cùng, ánh sáng của các Đức Phật khác đều không thể sánh kịp.

Đức Phật ca ngợi ánh sáng cực kỳ tốt đẹp của Phật A-di-đà:

–Ánh sáng của Phật A-di-đà vô cùng tốt đẹp, ánh sáng ấy tốt đẹp nhất trong mọi sự tốt đẹp, khả ái không thể lấy gì so sánh được, vì nó tuyệt diệu vô cùng tận.

Ánh sáng của Phật A-di-đà trong suốt, không gợn một vết nhơ hay khuyết giảm.

Ánh sáng của Phật A-di-đà hơn cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng

gấp trăm ngàn vạn ức lần, ánh sáng ấy tuyệt diệu nhất trong ánh sáng của các Đức Phật, tốt đẹp nhất trong các ánh sáng, hùng vĩ nhất trong các ánh sáng, khả ái nhất trong các ánh sáng, là vua trong các Đức Phật vì nó cao tột nhất trong các ánh sáng, ánh sáng ấy vô cùng tối thượng trong các ánh sáng.

Ánh sáng của Phật A-di-đà tỏa chiếu khắp vô số cõi nước, kể cả chốn tối tăm cũng đều được sáng soi. Chư Thiên, dân chúng, cho đến loài côn trùng đều trông thấy ánh sáng của Phật A-di-đà. Những ai trông thấy ánh sáng đó đều phát khởi tâm từ hoan hỷ. Những kẻ tham dục, sân giận, ngu si của thế gian thấy ánh sáng của Phật A-di-đà sẽ làm việc thiện. Những chúng sinh nào đang ở nơi bị tra khảo, đau khổ như chốn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ mà được thấy ánh sáng của Phật A-di-đà chiếu đến thì những hình phạt ấy sẽ ngưng ngay và không còn bị tra khảo nữa. Sau khi chết, những chúng sinh ấy sẽ được giải thoát khỏi sự lo buồn, khổ đau về hình phạt chốn địa ngục trước kia.

Ánh sáng của Phật A-di-đà danh vang khắp mười phương, nơi vô cùng vô tận, vô số cõi nước, khiến cho chư Thiên, loài người, không ai mà không nghe biết. Khi đã nghe biết rồi, tất cả đều được độ thoát.

Đức Phật dạy:

–Không những chỉ riêng Ta ca ngợi ánh sáng của Phật A-di-đà, mà vô số chư Phật, Phật-bích-chi, Bồ-tát, A-la-hán ở khắp mười phương cũng đều ca ngợi như vậy.

Đức Phật dạy:

–Nếu có người dân hay thiện nam, thiện nữ nào được nghe tiếng ngợi khen về ánh sáng của Phật A-di-đà và từ sáng đến chiều thường ca ngợi ánh sáng tốt đẹp đó với lòng chí thành không gián đoạn, sở nguyện tại tâm, thì những người ấy sẽ được vãng sinh vào cõi Phật A-di-đà, được sự tôn kính của những vị Bồ-tát, A-la-hán. Đến khi những người ấy thành Phật cũng sẽ được vô số chư Phật, Phật-bích-chi, Bồ-tát, A-la-hán ngợi khen về ánh sáng của mình như vậy. Đồng thời các chúng Tỳ-kheo, Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên, Đế Thích, dân chúng rất hân hoan vui mừng khi nghe sự ca ngợi ánh sáng này và không ai mà không ca ngợi theo.

Đức Phật dạy:

–Ta nói về ánh sáng của Phật A-di-đà thù thắng tốt đẹp, cao vời

vợi. Nếu Ta thường xuyên ca ngợi sự tốt đẹp ấy cả đêm ngày trong suốt một kiếp vẫn không thể hết được. Do vậy Ta chỉ nói một phần nhỏ cho các ông nghe mà thôi.

Đức Phật nói về Phật A-di-đà khi còn làm Bồ-tát, mong cầu được hai mươi bốn lời nguyện như vậy. Bấy giờ, có thái tử con vua A-xà-thế cùng năm trăm người con của trưởng giả, mỗi người đều mang một lọng hoa bằng vàng, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đánh lễ dưới chân và mang lọng hoa vàng dâng lên cúng dường. Sau đó, tất cả đều ngồi qua một bên nghe kinh. Thái tử và năm trăm người con của trưởng giả nghe hai mươi bốn lời nguyện của Đức Phật A-di-đà xong, họ vô cùng hoan hỷ, phấn chấn, thắm nguyện trong tâm: “Xin cho chúng con sau khi thành Phật, được như Đức Phật A-di-đà”.

Đức Phật biết ý nguyện đó, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Thái tử con vua A-xà-thế và năm trăm người con của trưởng giả này, vô số kiếp sau đều thành Phật như Phật A-di-đà.

Đức Phật dạy:

–Thái tử và các người con của trưởng giả này từ lúc an trú nơi đạo Bồ-tát đến nay trải qua vô số kiếp, mỗi kiếp đều cúng dường bốn trăm ức Đức Phật và nay họ đến đây cúng dường Ta. Vì thái tử và các người con của trưởng giả vào đời trước, thời Phật Ca-diếp, đã làm đệ tử của Ta, nên hôm nay cùng gặp nhau trong chúng hội này.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, vô cùng vui vẻ hân hoan thay cho thái tử và các người con của trưởng giả.

Đức Phật bảo A-nan:

–Đức A-di-đà thành Phật đến nay trải qua mười tiểu kiếp, cõi nước của Đức Phật ấy tên Tu-ma-đề ở ngay phương Tây, cách cõi Diêm-phù-đề này ngàn vạn ức cõi Phật Tu Di Sơn. Mặt đất ở cõi Phật A-di-đà toàn bằng bảy báu tự nhiên: Một là bạch ngân, hai là vàng, ba là thủy tinh, bốn là lưu ly, năm là san hô, sáu là hổ phách, bảy là xa cừ. Bảy thứ báu này hòa lẫn nhau làm thành mặt đất vô cùng rộng lớn, bát ngát mênh mông vô cùng tận. Bảy thứ báu đó xen lẫn với nhau, mỗi thứ báu tự tạo thành ánh sáng lấp lánh tốt đẹp rực rỡ, vô cùng êm dịu và tuyệt diệu không gì sánh nổi. Đất bằng bảy báu này là tinh chất của các thứ báu từ khắp mười phương tự nhiên hợp thành. chúng tự hóa sinh ra giống như bảy báu ở cõi trời thứ sáu. Cõi nước của Phật A-

di-đà không có núi Tu-di, trăng, sao, mặt trời, cho nên trời Tứ thiên vương và trời Đao-lợi đều an trú ở giữa hư không. Ở cõi nước này không có biển lớn, cũng không có biển nhỏ, không có sông Hằng, không có núi rừng, suối khe, không có chốn tối tăm, đất bầy bấu ở cõi này rất bằng phẳng, không có địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và những loài côn trùng nhỏ nhít, không có A-tu-la, rồng, quỷ thần, không bao giờ có trời mưa, cũng không có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Khí hậu ở đây không quá lạnh hay quá nóng, mà luôn ôn hòa, dễ chịu, rất thoải mái, không đâu sánh được. Có vạn loại vật dụng tự nhiên hiện ra, thực phẩm trăm vị, ý muốn có là tự nhiên có ngay trước mắt. Những vật không dùng nữa, tức thì biến mất, giống như những vật dụng tự nhiên trên cõi trời thứ sáu, tha hồ tùy ý sử dụng.

Trong cõi nước của Phật A-di-đà, tất cả đều là Bồ-tát, A-la-hán, không có phụ nữ, và tuổi thọ ở đây đến vô số kiếp. Nếu có người nữ vãng sinh lên đây liền hóa làm thân nam và có vô số những vị Bồ-tát, A-la-hán, đều là những bậc thấy nghe thông suốt. Dù xa xôi bao nhiêu, họ vẫn trông thấy nhau, vẫn gặp nhau, cùng nghe tiếng nói của nhau. Tất cả họ đều cầu đạo thiện, đồng một chủng tộc, không có người khác chủng tộc. Các Bồ-tát, A-la-hán ở cõi này diện mạo khôi ngô tuấn tú, tinh khiết tuyệt hảo, cùng một sắc diện, không có người xấu xí. Các Bồ-tát, A-la-hán đều dũng mãnh, tinh cần và thông tuệ. Họ nương vào sự tự nhiên nên trong tâm chỉ nghĩ đến những việc chính đáng, chỉ nói những lời kinh đạo, không nói xấu người khác. Âm vang ngôn ngữ của họ như ba trăm tiếng chuông đồng hợp lại. Họ kính yêu nhau và không có người nào ganh ghét nhau. Họ sống có tôn ti trật tự, người trước dạy người sau, dùng nghĩa đúng lẽ, biết kính trọng nhau như anh như em, lấy nhân hành nghĩa. Họ không hành động, nói năng bừa bãi, mà cùng dạy bảo nhau, không chống báng nhau và cùng chấp nhận nhau. Tâm của các Bồ-tát này rất thanh tịnh, không có tham tiếc, không bao giờ có tâm sân hận, dâm dục hay trạo thái ngu si, không có tâm tà mị hay nghĩ đến phụ nữ. Họ có trí tuệ dũng mãnh, tâm hòa hiếu an vui, ưa thích kinh đạo. Họ tự nhớ biết ngàn vạn ức kiếp đã qua, từ đâu sinh đến đây, những việc thiện ác, mất còn đời đã qua và biết tất cả trong đời hiện tại.

Những nơi nào Phật A-di-đà có thể giáo hóa như: Tinh xá, giảng

đường... thì những nơi ấy tự nhiên thành bảy báu như: vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, bạch ngọc, hổ phách, xà cừ cùng tự tạo thành sáng chói, vô cùng tốt đẹp không gì sánh được. Chẳng phải do ai làm ra và cũng không biết từ đâu đến, không có người giữ lại, cũng chẳng có kẻ mang đi, mà thuần túy từ tự nhiên biến hóa ra.

Công đức bản nguyện của Phật A-di-đà thật là sâu nặng. Những người làm lành nên luận kinh nói nghĩa, thuyết kinh, hành đạo thì tự nhiên hóa sinh vào trong chúng hội này. Tinh xá, giảng đường của họ đều có lầu gác, lan can bằng bảy báu; lại dùng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, bạch ngọc, hổ phách, xà cừ làm chuỗi anh lạc; lại dùng ngọc trắng, ngọc minh nguyệt, ngọc ma-ni để giăng chen nhau, che phủ phía trên. Chúng tự tạo năm âm thanh vô cùng tuyệt diệu, không gì sánh được. Nhà cửa trú xứ của các Bồ-tát, A-la-hán đều do bảy báu như vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xà cừ, mã não hóa sinh hợp thành. Tất cả đều có lầu đài, lan can bằng bảy báu, lại dùng vàng, bạc, thủy tinh, san hô, bạch ngọc, hổ phách, xà cừ làm chuỗi anh lạc và dùng ngọc trắng, ngọc minh nguyệt, ngọc ma-ni để giăng xen nhau, che phủ bên trên. Tất cả những thứ đó tạo thành năm âm thanh tuyệt diệu.

Tinh xá, giảng đường của Phật A-di-đà và trú xứ, nhà cửa của các Bồ-tát, A-la-hán từ trong đến ngoài, nơi nào cũng có ao hồ, suối chảy tự nhiên và cũng do bảy báu tự nhiên sinh ra; do vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, hổ phách, xà cừ cùng hợp lại tạo thành. Có ao thuần bằng vàng thì cát dưới đáy ao bằng bạch ngân. Có ao thuần bằng bạch ngân thì cát dưới đáy ao bằng vàng ròng. Có ao thuần bằng thủy tinh thì cát dưới đáy ao là lưu ly. Có ao thuần bằng lưu ly thì cát dưới đáy ao là thủy tinh. Có ao thuần bằng san hô thì cát dưới đáy ao bằng hổ phách. Có ao thuần bằng hổ phách thì cát dưới đáy ao bằng san hô. Có ao thuần bằng xà cừ thì cát dưới đáy ao là lưu ly. Có ao thuần bằng mã não thì cát dưới đáy ao bằng xa cừ. Có ao thuần bằng bạch ngọc thì cát dưới đáy ao bằng vàng màu tía. Có ao thuần bằng vàng màu tía thì cát dưới đáy ao bằng ngọc trắng.

Lại có hai thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc. Có ba thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc, thủy tinh. Có bốn thứ châu báu

cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Có năm thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô. Có sáu thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách. Có bảy thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ.

Nơi đó có ao hồ dài bốn mươi dặm, có ao hồ dài tám mươi dặm, có ao hồ dài một trăm sáu mươi dặm, có ao hồ dài ba trăm hai mươi dặm, có ao hồ dài sáu trăm bốn mươi dặm, có ao hồ dài một ngàn hai trăm tám mươi dặm, có ao hồ dài hai ngàn năm trăm sáu mươi dặm, có ao hồ dài năm ngàn một trăm hai mươi dặm, có ao hồ dài một vạn hai trăm bốn mươi dặm, có ao hồ dài hai vạn bốn trăm tám mươi dặm. Những ao hồ này chiều ngang và chiều rộng bằng nhau. Đây là nơi mà các Bồ-tát, A-la-hán thường dùng để tắm gội.

Đức Phật dạy:

–Ao tắm của Phật A-di-đà dài bốn vạn tám ngàn dặm, chiều rộng cũng bốn vạn tám ngàn dặm. Ao này đều bằng bảy báu hợp thành. Cát dưới đáy ao bằng ngọc trắng, ngọc minh nguyệt và ngọc châu ma-ni. Nước trong ao tắm của Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán trong veo và thơm mát. Trong ao có hoa thơm, trăm loại hoa tự nhiên sinh ra, nhiều sắc màu khác nhau, hương thơm khác nhau, mỗi cành có cả ngàn hoa lá rất thơm, không gì sánh được và cũng không thể dùng ngôn từ nào để diễn tả được mùi thơm ấy. Những đóa hoa này chẳng phải loại hoa của thế gian, cũng chẳng phải là hoa trên trời, mà chúng được kết tinh bằng hương thơm của tất cả các loại hoa trong khắp mười phương và tự nhiên hóa sinh như vậy. Nước trong ao chảy thành dòng và dòng nước ấy không chảy nhanh, không chảy chậm, chúng tạo thành năm âm thanh tuyệt diệu.

Đức Phật dạy:

–Hàng trời, người và những loài côn trùng, cầm thú nơi vô số cõi nước khắp mười phương được sinh vào nước Phật A-di-đà đều được hóa sinh trong ao sen báu. Chúng lớn lên tự nhiên mà không cần người nuôi dưỡng. Chúng ăn những thức ăn tự nhiên. Thân thể của chúng chẳng phải như thân thể những người ở thế gian, cũng chẳng phải thân

thể của những người ở cõi trời. Chúng tích tụ nhiều đức thiện, nên được thọ thân hư vô tự nhiên và thể của vô cực vô cùng xinh đẹp không gì sánh được.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ví như ở thế gian có người hành khát nghèo nàn đứng cạnh nhà vua. Như vậy diện mạo, dáng dấp của người hành khát thế nào? Có giống diện mạo, dáng dấp của nhà vua chăng?

Hiền giả A-nan thưa:

– Nếu như kẻ hành khát ấy đứng bên cạnh vua thì diện mạo, dáng dấp của kẻ ấy rất xấu xí, không bằng nhà vua đẹp gấp trăm ngàn vạn ức lần. Vì sao? Vì người hành khát nghèo nàn khốn đốn, ăn uống kham khổ, chưa từng được bữa ăn ngon. Đã ăn dở, còn chẳng được no, lấy gì để nuôi thân? Gân cốt rã rời, không có gì cấp dưỡng, thường bị thiếu thốn, đói khát, chẳng được đầy đủ, và bị rét mướt, sợ sệt, sầu khổ v.v... Chỉ vì đời trước người này ngu si không trí tuệ, lại tham lam bòn sẻn, không có tâm từ thương xót làm việc thiện, mở rộng lòng thương bố thí cho người mà chỉ muốn được nhiều của cải, tham lam ăn uống, lại muốn ăn ngon, không tin bố thí đời sau sẽ được phước báo, không tin làm thiện đời sau sẽ được phước lành. Người này chỉ mong nắm giữ thật nhiều nên càng làm thêm nhiều điều ác. Đến lúc qua đời với hai bàn tay trắng, chẳng có một chút ân đức, cũng chẳng có chỗ cậy nhờ, nên đọa vào trong đường ác chịu khổ vô tận. Sau đó được thoát khỏi đường ác, sinh làm thân người nhưng lại ở nơi hạ tiện, làm con trong nhà nghèo khổ, thân thể thô bỉ xấu xí, đơn độc một mình, áo quần rách rưới không đủ che thân, nên phải sống đời xin ăn, đói lạnh khốn khổ, sắc diện tiêu tụy chẳng giống loài người. Người này do đời trước đã tạo nghiệp, nên chịu nhiều tai ương, hình phạt. Những người trông thấy không ai thương xót, bị đem bỏ ngoài phố chợ, chịu nắng mưa, sương gió, gầy guộc, đen đúa, xấu xí và không sánh được với nhà vua.

Vì sao nhà vua được xem là người tôn quý, tốt đẹp nhất trong thiên hạ? Vì đời trước khi làm người đã làm điều thiện, tin thọ kinh đạo, ban ân thí đức, thuận nghĩa bác ái, nhân từ bố thí, không tham lam ăn uống mà đem cho tất cả mọi người, không có sự tiếc nuối và hoàn toàn không chống trái, tranh cãi, được phước thiện đã tạo, nên

sau khi chết phước đức ấy theo cùng mà không rơi vào đường ác. Nay sinh làm người, được sống chốn vương gia, tự nhiên được tôn quý, đứng đầu cai trị dân chúng. Đó là người oai hùng vĩ đại, diện mạo thuần khiết, từ hòa đẹp đẽ, thân thể đoan chánh, mọi người kính nể, tùy ý tha hồ muốn ăn ngon mặc đẹp. Nếu muốn điều gì, tự nhiên chúng sẽ hiện ngay trước mặt, hoàn toàn không trái ý. Nhà vua là người tốt đẹp thù thắng trong cõi người, được hạnh phúc vô tư, nên có diện mạo sáng ngời và được tất cả như vậy.

Đức Phật bảo A-nan:

–Tuy Đế vương là người đẹp nhất trong thiên hạ nhưng nếu ông ta đứng bên cạnh vua Chuyển luân thì dung mạo của nhà vua xấu xí như kẻ hành khất đứng bên cạnh nhà vua vậy. Dung mạo của nhà vua sánh với sắc diện tốt đẹp của vua Chuyển luân trăm ngàn vạn ức lần cũng không bằng.

Nếu như sự tuyệt hảo không gì sánh được của vua Chuyển luân đối với thiên hạ, thì vẫn không bằng sắc diện đoan nghiêm tốt đẹp thù thắng gấp trăm ngàn vạn ức lần của trời Đế Thích khi vua đứng bên cạnh trời Đế Thích.

Nếu như trời Đế Thích đứng bên cạnh vị trời thứ sáu thì dung mạo rất xấu, không bằng sắc diện đoan nghiêm, tốt đẹp thù thắng gấp trăm ngàn vạn ức lần của vị trời này.

Nếu như vị trời thứ sáu đứng bên cạnh các vị Bồ-tát, A-la-hán trong nước Phật A-di-đà thì sắc diện Thiên vương quá xấu, không bằng sắc diện đoan nghiêm, tốt đẹp thù thắng gấp trăm ngàn vạn ức lần của các vị Bồ-tát, A-la-hán trong cõi nước Phật A-di-đà.

Đức Phật dạy:

–Dung mạo của các Bồ-tát, A-la-hán ở nước Phật A-di-đà đều đoan nghiêm, tuyệt đẹp, không ai có thể sánh được. Họ là những người tiếp nối đạo lộ Niết-bàn.

Nhà cửa, trú xứ, tinh xá, giảng đường bên trong, bên ngoài trên những ao tắm của Phật A-di-đà cùng các Bồ-tát, A-la-hán đều có cây bầy báu. Trong đó có cây thuần bằng vàng, có cây thuần bằng bạc, có cây thuần bằng thủy tinh, có cây thuần bằng lưu ly, có cây thuần bằng bạch ngọc, có cây thuần bằng san hô, có cây thuần bằng hổ phách, có cây thuần bằng xa cừ. Mỗi loại cây tự xếp thành hàng khác nhau.

Trong đó, có hai loại châu báu tạo thành một cây, như cây bạc, thì rễ bạc, thân vàng, cành bạc, lá vàng, hoa bạc, quả vàng. Cây vàng thì rễ vàng, thân bạc, cành vàng, lá bạc, hoa vàng, quả bạc. Cây thủy tinh thì rễ thủy tinh, thân lưu ly, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa thủy tinh, quả lưu ly. Cây lưu ly thì rễ lưu ly, thân thủy tinh, cành lưu ly, lá thủy tinh, hoa lưu ly, quả thủy tinh. Đây là hai loại châu báu cùng tạo thành một cây.

Có bốn loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: cây thủy tinh, thì rễ thủy tinh, thân lưu ly, cành vàng, lá bạc, hoa thủy tinh, quả lưu ly. Cây lưu ly thì rễ lưu ly, thân thủy tinh, cành vàng, lá bạc, hoa thủy tinh, quả lưu ly. Đây là cây do bốn loại châu báu cùng tạo thành, mỗi loại tự xếp thành hàng khác nhau.

Có năm loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: cây bạc thì rễ bạc, thân vàng, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa bạc, quả vàng. Cây vàng thì rễ vàng, thân bạc, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa san hô, quả bạc. Cây thủy tinh thì rễ thủy tinh, thân lưu ly, cành san hô, lá bạc, hoa vàng, quả lưu ly. Cây lưu ly thì rễ lưu ly, thân san hô, cành thủy tinh, lá vàng, hoa bạc, quả san hô. Cây san hô thì rễ san hô, thân lưu ly, cành thủy tinh, lá vàng, hoa bạc, quả lưu ly. Đây là năm loại châu báu cùng tạo thành một cây, mỗi loại tự xếp thành hàng khác nhau.

Có sáu loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: cây bạc thì rễ bạc, thân vàng, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa san hô, quả hổ phách. Cây vàng thì rễ vàng, thân bạc, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa hổ phách, quả san hô. Cây thủy tinh thì rễ thủy tinh, thân lưu ly, cành san hô, lá hổ phách, hoa bạc, quả vàng. Cây lưu ly thì rễ lưu ly, thân san hô, cành hổ phách, lá thủy tinh, hoa vàng, quả bạc. Đây là sáu loại châu báu cùng tạo thành một cây, mỗi loại tự xếp thành hàng khác nhau.

Có bảy loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: cây bạc thì rễ bạc, thân vàng, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa san hô, quả hổ phách. Cây vàng thì rễ vàng, thân thủy tinh, cành lưu ly, lá san hô, hoa hổ phách, quả bạc. Cây thủy tinh thì rễ thủy tinh, thân lưu ly, cành san hô, lá hổ phách, hoa xa cừ, quả bạch ngọc. Cây san hô thì rễ san hô, thân hổ phách, cành bạch ngọc, lá lưu ly, hoa xa cừ, quả ngọc minh nguyệt. Cây hổ phách thì rễ hổ phách, thân bạch ngọc, cành san hô, lá lưu ly,

hoa thủy tinh, quả vàng. Cây bạch ngọc thì rễ bạch ngọc, thân xa cừ, cành san hô, lá hổ phách, hoa vàng, quả ngọc ma-ni. Đây là bảy thứ châu báu cùng tạo thành một cây, mỗi loại tự xếp thành hàng khác nhau. Từng hàng cây đan nhau, những thân cây tự thẳng tắp với nhau, những cành cây tự vươn lên ngang nhau, những chiếc lá cùng hướng về nhau, những bông hoa cùng nhau nở tròn và những quả tự lớn tương đương với nhau.

Đức Phật dạy:

–Trong tinh xá hay giảng đường của Phật A-di-đà trong ngoài đều có ao tắm bảy báu vây quanh, phía trên bờ đều có những hàng cây bảy báu. Và ở trong nhà cửa bảy báu của các Bồ-tát, A-la-hán trong ngoài đều có ao tắm bảy báu vây quanh, ven bờ ao cũng đều có những hàng cây bảy báu. Mỗi nơi đều có đến hàng trăm hàng ngàn cây báu trùng điệp và mỗi cây tự tạo thành năm âm thanh vô cùng tuyệt diệu, không gì sánh được.

Đức Phật bảo A-nan:

–Như một vị vua ở thế gian có trăm loại âm thanh kỹ nhạc vẫn không bằng những âm thanh kỹ nhạc của vua Chuyển luân, hay gấp trăm ngàn vạn ức lần. Như một vạn loại âm thanh kỹ nhạc của vua Chuyển luân, vẫn không bằng một âm thanh của cõi trời thứ hai là Đao-lợi, hay gấp trăm ngàn vạn ức lần. Một vạn loại âm thanh kỹ nhạc ở trên trời Đao-lợi vẫn không bằng một âm thanh trên cõi trời thứ sáu, hay gấp trăm ngàn vạn ức lần.

Như một vạn loại âm thanh kỹ nhạc trên cõi trời thứ sáu vẫn không bằng một âm thanh của cây bảy báu trong cõi Phật A-di-đà, hay gấp trăm ngàn vạn ức lần. Trong cõi Phật A-di-đà cũng có vạn loại âm nhạc tự nhiên rất hay vô cùng vô tận.

Khi Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán muốn tắm gội thì mỗi người tự vào tắm gội trong ao bảy báu đó. Ý của các Bồ-tát, A-la-hán muốn làm cho nước đến chân thì nước sẽ ngập đến chân; ý muốn làm cho nước đến đầu gối, tức thì nước sẽ đến đầu gối; ý muốn làm cho nước đến lưng, tức thì nước sẽ đến lưng; ý muốn làm cho nước đến ngực, tức thì nước sẽ đến ngực; ý muốn làm cho nước đến cổ, tức thì nước sẽ đến cổ; ý muốn làm cho nước tự gội lên chân, tức thì nước sẽ tự gội lên chân; ý muốn làm cho nước trở lại như cũ, tức thì nước sẽ

trở lại như cũ... tha hồ tùy theo ý thích của mỗi người.

Đức Phật dạy:

– Khi Phật A-di-đà cùng các Bồ-tát, A-la-hán đã tắm xong, tất cả thấy mình ngồi trên một hoa sen lớn, đồng thời tự nhiên có gió từ bốn phương nổi lên. Những ngọn gió này không phải gió của thế gian, cũng chẳng phải gió trên trời, mà chính là tinh chất của những ngọn gió khắp mười phương tự nhiên hợp lại hóa thành. Gió này không lạnh không nóng, mà luôn luôn điều hòa, thích ứng với mọi người. Nó rất mát mẻ trong lành, không gì sánh được. Gió từ từ thổi đến không nhanh, không chậm mà vừa phải. Gió này thổi vào hàng cây bảy báu tạo thành năm thứ âm thanh, làm cho cây hoa bảy báu che phủ cả nước Phật và tung rải trên Phật cùng các Bồ-tát, A-la-hán. Hoa rơi xuống đất dày đến bốn tấc, trông thật vô cùng tốt đẹp mềm mại, không gì sánh được. Rồi tự nhiên gió thổi đến cuốn bay những bông hoa héo ấy đi, và gió từ bốn phương tự nhiên thổi vào hàng cây bảy báu, những hàng cây ấy tạo thành năm thứ âm thanh, những cây hoa tự nhiên tung rải lên trên Đức Phật cùng các Bồ-tát, A-la-hán. Hoa héo thì rơi xuống đất và liền tự nhiên bay đi. Bốn phương gió lại nổi lên thổi vào cây bảy báu, hình ảnh này diễn ra liên tục bốn lần như vậy.

Trong số những vị Bồ-tát, A-la-hán ấy, có người chỉ muốn nghe kinh, có người chỉ muốn nghe âm nhạc, có người chỉ muốn nghe mùi thơm của hoa. Lại có người không muốn nghe kinh, có người không muốn nghe nhạc, có người không muốn nghe mùi thơm của hoa. Người nào thích nghe cái gì, liền sẽ được nghe cái ấy. Và người không muốn nghe cái gì thì chỉ nghe một thứ. Tùy ý ưa thích của mỗi người mà không hề bị trái ý.

Tắm gội xong, mỗi người tự đi làm việc đạo: Có người thì giảng kinh, người tụng kinh, người thuyết kinh, người trì kinh, người nghe kinh, người niệm kinh, người tư duy về đạo, người tọa thiền, người kinh hành trên mặt đất. Trong đó có người giảng kinh, người tụng kinh, người thuyết kinh, người trì kinh, người nghe kinh, người niệm kinh, người tư duy về đạo, người nhất tâm tọa thiền, người kinh hành trong hư không. Người chưa đắc đạo Tu-đà-hoàn, liền đắc đạo Tu-đà-hoàn. Người chưa đắc đạo Tư-đà-hàm, liền đắc đạo Tư-đà-hàm. Người

chưa đăc đạo A-na-hàm, liền đăc đạo A-na-hàm. Người chưa đăc đạo A-la-hán, liền đăc đạo A-la-hán. Người chưa đăc đạo Bồ-tát bất thoái chuyển, liền đăc đạo Bồ-tát bất thoái chuyển.

Mỗi người tự thuyết kinh hành đạo và tất cả đều đăc đạo, không ai mà không hân hoan vui mừng. Trong những vị Bồ-tát này, những vị muốn cúng dường vô số chư Phật khắp mười phương, tức thời họ vân tập đến trước Đức Phật, đảnh lễ, thưa thỉnh để từ giã ra đi cúng dường vô số chư Phật khắp mười phương. Đức Phật lặng yên nhận lời, làm cho các Bồ-tát vô cùng hoan hỷ. Số Bồ-tát này nhiều đến ngàn vạn ức người, nhiều vô lượng vô số, không thể tính đếm được, đều có trí tuệ dũng mãnh. Họ bay tiếp nối nhau cùng đến chỗ chư Phật khắp mười phương, đảnh lễ trước các Đức Phật. Các Bồ-tát muốn có đủ thứ vật tự nhiên để cúng dường, tức thời tự nhiên có trăm hoa với đủ màu sắc, trăm thứ vải vóc nhung lụa đẹp, trăm loại y kiếp-ba và đèn bằng bảy báu, vạn loại âm nhạc hiện ra, tất cả đều hiện hữu trước mặt chư vị với vạn loại hương hoa. Những vật này là vật tự nhiên ở khắp mười phương hòa hợp mà hóa sinh, chứ chẳng phải vật ở thế gian hay vật ở trên trời tạo ra. Người nào muốn có hương thơm, tự nhiên sẽ có ngay, và không muốn dùng nữa tức thì hương ấy bay đi. Các vị Bồ-tát liền muốn đem những vật ấy cúng dường chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán, tùy theo ý muốn, cúng một bên, hai bên, trước sau, giáp vòng chung quanh các Ngài, tức thời bay đến ngay. Ngay trong lúc ấy, họ vô cùng vui vẻ, không thể dùng ngôn từ để diễn đạt được.

Nếu ý của các vị Bồ-tát muốn có bốn mươi dăm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Nếu ý của các vị Bồ-tát muốn có tám mươi dăm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có một trăm sáu mươi dăm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên

trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có ba trăm hai mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có sáu trăm bốn mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có một ngàn hai trăm tám mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có hai ngàn năm trăm sáu mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có năm ngàn một trăm hai mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có một vạn hai trăm bốn mươi mốt dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có hai vạn bốn trăm tám mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung

lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có năm vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có mười vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có bốn mươi vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có tám mươi vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có một trăm sáu mươi vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có ba trăm vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có sáu trăm vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư

Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Tự nhiên những đóa hoa ấy hợp lại thành một bông hoa, với những cánh hoa xoay tròn đều đặn, đẹp hơn trước gấp bội.

Bông hoa rất tươi đẹp, mượt mà hơn trước gấp trăm ngàn lần, với màu sắc đặc thù, hương thơm không thể dùng ngôn từ để diễn tả được. Các Bồ-tát vô cùng hoan hỷ, ở trong hư không cùng trỗi lên kỹ nhạc, âm thanh tự nhiên để làm vui đẹp lòng chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán.

Bấy giờ, ai nấy đều vui mừng không thể nói hết. Các Bồ-tát ngồi im lặng nghe kinh, nghe kinh xong đều đọc tụng thông suốt, hiểu rõ kinh, càng tăng thêm trí tuệ sáng suốt. Lúc ấy, trong các cõi nước, từ cõi trời thứ nhất là Tứ thiên, đến cõi trời Ba Mươi Ba, chư Thiên đều mang đến những vật tự nhiên của cõi trời để cúng dường chư Bồ-tát và A-la-hán. Chư Thiên lại ở trong hư không trỗi lên những thứ âm nhạc. Chư Thiên lần lượt kẻ đến trước lui ra nhường cho người sau đến cúng dường các Bồ-tát. Chư Thiên hoan hỷ nghe kinh và cùng trỗi lên âm nhạc. Trong những lúc này, các vị vui không thể kể xiết.

Các Bồ-tát nghe kinh và cúng dường xong, đứng dậy đánh lễ Đức Phật rồi lui ra. Họ bay đến vô số chư Phật khắp mười phương nghe kinh và cúng dường theo trình tự như trước. Sau khi đã hoàn tất, đến gần trưa, họ bay về nước của mình, đánh lễ Đức Phật A-di-đà rồi ngồi xuống nghe kinh với tâm vô cùng hỷ lạc.

Đức Phật dạy:

– Khi Đức Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán sắp thọ trai thì tự nhiên có ghế bằng bảy báu và được trải vải nhung mềm mịn êm ái dùng làm chỗ ngồi. Khi Phật và Bồ-tát ngồi lên tòa thì đã có bát bảy báu tự nhiên hiện ra và trong bát có đầy đủ thực phẩm thơm ngon. Loại thực phẩm này chẳng phải của thế gian, cũng chẳng phải trên trời, mà đó là tinh chất của tất cả những thực phẩm tự nhiên trong khắp mười phương. Nó thơm ngon tuyệt vời không gì sánh được, tự nhiên hóa sinh như vậy. Nếu ai muốn được vị ngọt, hay chua thì sẽ được theo ý muốn.

Trong những Bồ-tát, A-la-hán này, có vị muốn bát bằng vàng, có vị muốn bát bằng bạc, có vị muốn bát bằng thủy tinh, có vị muốn bát bằng san hô, có vị muốn bát bằng hổ phách, có vị muốn bát bằng ngọc trắng, có vị muốn bát bằng xa cừ, có vị muốn bát bằng mã não, có vị

muốn bát bằng ngọc minh nguyệt, có vị muốn bát bằng ngọc ma-ni, có vị muốn bát bằng vàng ròng v.v... tùy theo ý mà có ngay. Bát này không từ đâu đến, không có ai cúng dường, mà được hóa sinh tự nhiên. Các Bồ-tát, A-la-hán đều thọ trai, thực phẩm không nhiều, cũng không ít mà bằng nhau. Không ai khen chê thức ăn ngon hay dở và cũng không vì thức ăn ngon nên vui vẻ. Thọ trai xong, tất cả những thức ăn, bình bát, tòa ngồi tự nhiên biến mất. Đến khi muốn thọ trai thì sẽ hóa sinh trở lại. Tâm của các Bồ-tát, A-la-hán rất trong sạch, sự ăn uống của họ chỉ để tạo khí lực cho nên tự tiêu hóa hoàn toàn không còn gì.

Đức Phật bảo A-nan:

– Khi Đức Phật A-di-đà thuyết kinh cho các Bồ-tát, A-la-hán thì trên giảng đường đại hội có vô số Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên và loài người - nhiều không tính được - bay đến chỗ Đức Phật A-di-đà cung kính đánh lễ, ngồi nghe giảng nói kinh. Đức Phật giảng nói rộng về kinh lớn của đạo trí cho tất cả nghe biết, nên ai nấy cũng phần chấn vui mừng vì tâm được khai mở, tức thời gió từ bốn phương tự nhiên nổi dậy, thổi vào cây bầy báu tạo thành năm âm thanh. Hoa rơi cây bầy báu che phủ cả cõi nước này và từ hư không rơi xuống. Hương thơm của hoa lan tỏa khắp trong một cõi và tung rải lên trên Đức Phật A-di-đà cùng các Bồ-tát, A-la-hán. Hoa rơi xuống đất dày đến bốn tấc, đến khi hoa vừa héo đều bị gió lớn tự nhiên cuốn đi, gió từ bốn phương thổi vào cây hoa bầy báu bốn lần như vậy. Khi đó, cõi trời thứ nhất là Tứ thiên vương, cõi trời thứ hai là Đao-lợi, cho đến cõi trời Ba Mươi Ba, chư Thiên đem vạn loại vật tự nhiên, trăm loại hoa xen lẫn nhiều màu sắc, trăm loại hương thơm, trăm loại tơ lụa, trăm loại vải bông mềm mại, vạn loại âm nhạc cõi trời thù thắng gấp bội hơn trước đến đánh lễ Đức Phật A-di-đà rồi cúng dường Phật, các Bồ-tát và A-la-hán. Chư Thiên lại trỗi lên những âm thanh hùng vĩ để làm vui Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán. Trong lúc này, niềm vui không thể nói hết được. Chư Thiên lần lượt kẻ trước người sau đến cúng dường như những vị trước đã cúng dường.

Khi ấy, vô số cõi nước phương Đông có các Đức Phật nhiều vô số không thể tính đếm như cát của sông Hằng, các Bồ-tát số đông không tính hết, bay đến chỗ Đức Phật A-di-đà đánh lễ và nghe giảng

nói kinh. Nghe xong, tất cả đều vui mừng, đứng dậy đánh lễ Phật rồi ra đi.

Chư Phật ở phương Tây, phương Bắc, phương Nam và bốn góc, nhiều như cát sông Hằng, các Ngài dạy vô số các Bồ-tát bay đến chỗ Đức Phật A-di-đà đánh lễ và nghe kinh cũng như vậy.

Chư Phật ở phương trên, phương dưới, số nhiều như cát sông Hằng, đều dạy các Bồ-tát số nhiều không thể tính đếm bay đến chỗ Phật A-di-đà đánh lễ và nghe kinh. Cứ thế, lần lượt nối tiếp nhau không lúc nào ngưng dứt.

Đức Phật dạy:

–Sở dĩ chư Phật dùng số cát sông Hằng làm số lượng là vì vô số chư Phật ở khắp mười phương rất đông, rất nhiều, không thể tính đếm được. Vì vậy cho nên dùng cát sông Hằng để làm biểu tượng so sánh.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Khi Đức Phật A-di-đà thuyết giảng kinh cho các Bồ-tát, A-la-hán xong, trong số chư Thiên và loài người có người chưa đạt đạo liền đạt đạo, người chưa đắc quả Tu-đà-hoàn liền đắc quả Tu-đà-hoàn, người chưa đắc quả Tư-đà-hàm liền đắc quả Tư-đà-hàm, người chưa đắc quả A-na-hàm liền đắc quả A-na-hàm, người chưa đắc quả A-la-hán liền đắc quả A-la-hán, người chưa đắc Bồ-tát Bất thoái chuyển liền đắc Bồ-tát Bất thoái chuyển. Đức Phật A-di-đà tùy theo đời trước của người đó khi cầu đạo, tâm mong cầu của họ lớn hay nhỏ mà tùy hỷ truyền trao chỉ dạy, làm cho họ mau tỏ ngộ, trí tuệ sáng suốt, sở nguyện ưa thích kinh đạo, khiến họ không kinh nào mà không hoan hỷ thọ trì. Họ tụng kinh thông thạo, không hề biết nhàm biết chán. Trong những Bồ-tát, A-la-hán có người tụng kinh âm thanh như ba trăm tiếng chuông lớn hợp lại, có người thuyết kinh như gió lốc mưa rào. Như vậy trọn một kiếp mới xong, chưa có lúc nào cảm thấy mỏi mệt. Họ có trí tuệ dũng mãnh, thân thể nhẹ nhàng, không bao giờ biết đau yếu. Tất cả lúc đi, đứng, ngồi, nằm đều uy nghiêm, vững chãi, oai hùng như sư tử chúa trong loài sư tử, ở trong chốn núi sâu hay đi đến nơi nào, không ai dám động chạm đến, cũng không có ý nghi ngờ. Những điều tâm muốn làm không thể tính đếm, nhiều gấp trăm ngàn vạn ức lần. Chúa trong loài sư tử đó dù mạnh gấp trăm ngàn vạn ức lần vẫn không bằng sự dũng mãnh của đệ tử thứ hai của Ta là Đại Mục-kiền-liên.

Với trí tuệ dũng mãnh gấp trăm ngàn vạn ức lần như Đại Mục-kiền-liên đem so với những Bồ-tát, A-la-hán ở các cõi nước khác thì không gì sánh bằng. Các Bồ-tát và A-la-hán ở cõi Phật A-di-đà bay đi hay dừng lại, trí tuệ luôn dũng mãnh, thấy nghe xuyên suốt tất cả, biết rõ việc quá khứ, vị lai và hiện tại của mười phương. Nếu đem trí tuệ dũng mãnh gấp trăm ngàn vạn ức lần của các vị Bồ-tát, A-la-hán ở các cõi Phật khác cộng chung làm một trí tuệ, đặt bên các A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà thì đức ấy vẫn không sánh bằng.

Bồ-tát A-dật quỳ gối, cung kính chấp tay bạch Phật:

–Các A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà có nhập Niết-bàn chăng?

Con xin muốn nghe điều này.

Đức Phật dạy:

–Ông có thấy những ngôi sao khắp bốn phương trời không?

Bồ-tát A-dật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thấy.

Đức Phật dạy:

–Như người đệ tử thứ hai của Ta là Đại Mục-kiền-liên bay lên trời một ngày một đêm, tính biết có bao nhiêu ngôi sao. Sao ở bốn phương trời này rất là nhiều, nhiều gấp trăm ngàn vạn ức lần, không thể tính đếm được. Như lấy bột một giọt nước trong biển cả mênh mông thì có thể làm cho nước trong biển ấy giảm đi chăng?

Bồ-tát thưa:

–Dù múc đi trăm ngàn vạn ức thùng nước vẫn không thể làm nước trong biển cả giảm đi được.

Đức Phật dạy:

–Các A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà tuy có nhập Niết-bàn thì cũng như giảm đi một giọt nước trong biển cả mênh mông kia vậy, không làm cho những vị A-la-hán ở đó biết là giảm.

Đức Phật dạy:

–Giảm bớt một khe nước trong biển cả, có thể làm cho nước biển giảm chăng?

–Bạch Thế Tôn! Giảm bớt trăm ngàn vạn ức khe nước vẫn còn không thể biết là giảm.

–Lấy bớt lượng nước trong biển cả bằng một sông Hằng, có thể biết được giảm chăng?

–Bạch Thế Tôn! Lấy bột trăm ngàn vạn ức lượng nước như sông Hằng vẫn không thể biết là nước biển giảm.

–Các A-la-hán ở cõi Phật A-di-đà nhập Niết-bàn nhiều vô số nhưng những người mới đắc đạo cũng nhiều vô số, nên không tăng giảm.

Nếu các dòng nước đều chảy vào trong biển lớn thì có thể làm cho nước biển tăng thêm không?

–Bạch Thế Tôn! Không thể làm cho nước thêm nhiều. Vì sao? Vì biển cả là vua của các dòng nước, cho nên mới được như vậy.

Đức Phật dạy:

–Cõi Phật A-di-đà cũng như vậy. Vô số chư Thiên và loài người, loài côn trùng nhỏ nhít nơi vô số cõi nước khắp mười phương được vãng sinh đến đó rất nhiều, rất đông không thể tính đếm được. Các Bồ-tát, A-la-hán, chúng Tỳ-kheo Tăng trong cõi Phật A-di-đà vẫn y nguyên không bị tăng giảm và thay đổi. Vì sao? Vì cõi Phật A-di-đà cực kỳ an lạc, là vua của các nghiệp thiện trong vô số các cõi nước khắp mười phương, là cõi hùng tráng nhất trong các cõi nước, là cõi châu báu trong các cõi nước, là cõi mà tuổi thọ miên trường trong các cõi nước, là cõi kiệt xuất trong các cõi nước, là bao la nhất trong các cõi nước, là kinh đô của các cõi nước, và là nơi vô vi tự nhiên tốt đỉnh của hạnh phúc, an vui tốt đẹp và sáng lạng. Vì sao? Vì khi Phật A-di-đà còn làm Bồ-tát đã phát nguyện tinh tấn dững mãnh, không lùi biếng tích lũy công đức cho nên đạt quả phước như vậy.

Bồ-tát A-dật rất hoan hỷ, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn nói về cõi nước của Phật A-di-đà chỉ có an vui, tốt đẹp, sáng lạng và thù thắng, không thể so sánh thôi sao?

Đức Phật dạy:

–Các Bồ-tát, A-la-hán nơi cõi Phật A-di-đà ở trong nhà cửa bằng bảy báu, có nhà ở trong hư không, có nhà ở nơi đất bằng. Trong đó, có người muốn nhà thật cao, tức thì nhà cửa thật cao. Có người muốn nhà cửa thật rộng lớn, tức thì có nhà cửa rộng lớn. Có người muốn nhà cửa ở trong hư không thì liền có nhà cửa ở trên hư không. Tất cả thể hiện tùy theo ý muốn một cách tự nhiên. Có trường hợp đặc biệt không thể làm cho nhà cửa tùy theo ý của người được. Vì sao? Vì những người có thể làm cho nhà cửa tùy theo ý đều do đời trước - khi cầu đạo Bồ-tát -

thường tinh tấn và từ tâm, càng làm nhiều nghiệp thiện nên đưa đến nhiều phước đức. Còn trường hợp khác không thể tùy theo ý muốn là vì đời trước - khi cầu đạo - không tinh tấn, thiếu tâm từ tinh tấn và làm thêm nhiều nghiệp thiện nên đưa đến thiếu phước đức.

Ở cõi Phật A-di-đà, những y phục và thực phẩm đều tự nhiên bình đẳng. Nhưng đức thì có nhiều có ít, tùy thuộc vào mỗi người có tinh tấn dũng mãnh hay không mà hiện rõ như thế.

Đức Phật bảo:

–Các ông có thấy trú xứ của cõi trời Thiên vương thứ sáu không?

–Bạch Thế Tôn! Chúng con có thấy.

Đức Phật dạy:

–Giảng đường, nhà cửa, đất đai ở cõi Phật A-di-đà thù thắng gấp trăm ngàn vạn ức trú xứ của cõi trời Thiên vương thứ sáu. Các Bồ-tát, A-la-hán có sự thấy nghe xuyên suốt tất cả. Họ thấy biết mọi sự thời quá khứ, vị lai và hiện tại khắp mười phương.

Lại có vô số chư Thiên, dân chúng và những loài côn trùng nhỏ nhít, có tâm ý nghĩ về sự thiện ác và miệng muốn nói ra điều gì, năm nào kiếp nào được cứu thoát sinh vào cõi người, hay vãng sinh vào cõi Phật A-di-đà, lúc nào sẽ làm A-la-hán, Bồ-tát v.v... các vị đều đoán biết tất cả. Trên đỉnh của các Bồ-tát, A-la-hán tự phát ra ánh sáng tỏa chiếu lớn hoặc nhỏ.

Trong số các Bồ-tát, có hai vị Bồ-tát tối tôn thường đứng hầu bên phải và bên trái Phật. Đức Phật ấy thường cùng hai vị Bồ-tát này đối thoại, luận bàn những việc thời quá khứ, vị lai và hiện tại của chúng sinh khắp mười phương. Hoặc khi Phật sai hai vị Bồ-tát này đến chỗ vô số các Đức Phật khắp mười phương thì họ liền bay đi. Tùy theo ý muốn bay đến nơi nào, mà họ bay nhanh chóng như Phật và thật dũng mãnh không ai sánh bằng. Hai vị Bồ-tát đó tên là Bồ-tát Cái-lâu-hằng và Bồ-tát Ma-ha-na-bát. Hai vị này có ánh sáng trí tuệ tối thượng, hào quang trên đỉnh tỏa chiếu đến phương khác, và thường sáng rực rỡ đến ngàn núi Tu-di trong cõi Phật. Hào quang trên đỉnh của các Bồ-tát ở cõi này tỏa chiếu khắp ngàn vạn ức dặm. Hào quang trên đỉnh các A-la-hán tỏa chiếu bảy trượng.

Đức Phật dạy:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào ở thế gian gặp việc cấp bách sợ hãi quan huyện thì chỉ về đánh lễ Bồ-tát Cái-lâu-hằng và Bồ-tát Ma-ha-na-bát thì sẽ được thoát khỏi tất cả.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

–Hào quang trên đỉnh Đức Phật A-di-đà tỏa sáng cực kỳ rực rỡ, làm cho ánh sáng của trăng, sao, mặt trời trong hư không bị lu mờ, không thể vận hành, không thể phát sáng, vì hào quang rực rỡ của Phật đã phủ che tất cả. Hào quang Phật tỏa chiếu trong cõi nước và tỏa chiếu khắp các cõi nước phương khác lúc nào cũng rực rỡ sáng ngời, không bao giờ có bóng tối. Cõi Phật A-di-đà không có thời gian một ngày, hai ngày, năm ngày, mười ngày, mười lăm ngày, hay không có một tháng, năm tháng, mười tháng, không có năm năm, mười năm, cho đến không có trăm năm, ngàn năm, vạn năm hay vạn ức năm, cũng không có trăm ngàn vạn ức năm, cho đến không có một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp hay trăm vạn kiếp và không có ngàn vạn kiếp hay trăm ức vạn kiếp.

Hào quang của Phật A-di-đà sáng đến vô cùng, chiếu soi đến vô số kiếp sau. Cứ chiếu như thế qua vô số kiếp rồi lại đến vô số kiếp nữa. Vô số kiếp này đến vô số kiếp khác hào quang ấy vẫn tỏ sáng không bao giờ chấm dứt. Nên biết cõi nước ấy và cõi trời trong đó không lúc nào tan hoại. Vì sao? Vì tuổi thọ của Phật A-di-đà cực kỳ lâu dài, cõi nước vô cùng tốt đẹp, cho nên mới được như vậy. Tuổi thọ của Phật A-di-đà cho đến vô số kiếp sau, vô số kiếp này rồi lại đến vô số kiếp nữa Ngài vẫn chưa vào Niết-bàn. Đức Phật giáo hóa ở thế gian là ý muốn hóa độ chư Thiên, dân chúng và loài côn trùng nhỏ nhít nơi vô số cõi nước khắp mười phương. Ngài muốn làm cho những chúng sinh ấy được sinh sang cõi nước của mình và tất cả đều đắc đạo Niết-bàn. Những vị đã làm Bồ-tát rồi thì muốn làm cho họ được thành Phật. Đã thành Phật rồi thì muốn họ giáo hóa cho chư Thiên, dân chúng, súc sinh khắp mười phương khiến cho họ thành Phật. Đã thành Phật rồi lại giáo hóa cho chư Thiên, dân chúng và những loài súc sinh, côn trùng nhỏ nhiệm, làm cho họ đắc đạo Niết-bàn.

Các đệ tử được giáo hóa lại lần lượt truyền dạy cho nhau và được độ thoát cho đến chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi. Tất cả cùng nhau được độ thoát và được

đắc đạo Niết bàn. Khi tất cả đã được độ thoát như vậy rồi mà Phật A-di-đà vẫn chưa muốn vào Niết-bàn. Sự giáo hóa của Phật A-di-đà lần lượt trải qua vô số kiếp không thể tính toán được như thế nhưng Phật A-di-đà vẫn chưa muốn nhập diệt.

Vô số chư Thiên, dân chúng và loài côn trùng nhỏ nhít khắp mười phương được sinh vào cõi Phật A-di-đà, được làm Phật nhiều vô số. Những vị A-la-hán đạt được đạo Niết-bàn cũng nhiều vô số không tính hết được.

Ân đức của Phật A-di-đà đã ban bố cho muôn loài khắp mười phương, thật là vô cùng vô tận, sâu thẳm vô lượng vô biên, an lạc không sao nói hết. Trí tuệ siêu tuyệt của Phật A-di-đà đã dạy dỗ truyền thọ Thánh đạo, ban rải tình thương cho vô số chúng sinh từ trên trời cho đến dưới đất khắp mười phương, thật là vô bờ bến. Kinh pháp của Đức Phật ấy giáo huấn cũng nhiều vô cùng tận, không thể tính được.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Ông có muốn biết tuổi thọ của Phật A-di-đà thời gian bao lâu không?

– Bạch Thế Tôn! Con muốn nghe biết điều này.

Đức Phật dạy:

– Ông hãy nghe rõ. Giả sử làm cho chư Thiên, dân chúng và loài côn trùng nhỏ nhít trong vô số cõi Phật khắp mười phương đều được vào đạo, được làm Phật-bích-chi, A-la-hán, cùng nhất tâm tọa thiền, kết hợp trí tuệ của họ thành một khối dững mãnh để muốn tính biết tuổi thọ của Phật A-di-đà là bao nhiêu ngàn vạn ức kiếp thì cũng hoàn toàn không thể tính biết được. Lại làm cho chư Thiên, dân chúng và loài súc sinh, côn trùng nhỏ nhít trong ngàn núi Tu-di, nơi các cõi nước ở phương khác đều được vào đạo, thành Phật-bích-chi và A-la-hán, cùng nhất tâm tọa thiền, kết hợp trí tuệ thành một khối dững mãnh, cùng muốn tính đếm số các Bồ-tát, A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà có bao nhiêu ngàn vạn ức người, đều không thể tính biết được. Tuổi thọ của Phật A-di-đà trường cửu, miên viễn, không có thời hạn và tỏa sáng minh mẫn, minh thiện thẳm sâu, vô cùng vô tận. Những ai có thể tin được điều này? Chỉ có Phật tự tin biết mà thôi.

Bồ-tát A-dật nghe lời Phật dạy rất vui mừng, quỳ gối chấp tay

thưa:

–Thế Tôn nói về tuổi thọ dài lâu vô tận, oai thần tột đỉnh, và trí tuệ của Phật A-di-đà thật sáng ngời và an lành với vợ. Chỉ có chính Phật A-di-đà mới được như vậy.

Đức Phật dạy:

–Cho đến sau này, khi Đức Phật A-di-đà nhập diệt, Bồ-tát Cái-lâu-hằng sẽ thành Phật, thống lãnh sự nghiệp trí tuệ, đứng đầu sự dạy bảo và hóa độ cho chư Thiên, dân chúng, cho đến loài côn trùng nhỏ nhít khắp mười phương ở thế gian, khiến cho họ chứng đắc Niết-bàn của Phật. Phước đức thiện của Bồ-tát này sẽ như Đại sư A-di-đà Phật. Bồ-tát trụ thế vô số kiếp không thể tính được. Sau đó nương theo di huấn của Đại sư mà nhập Niết-bàn. Tiếp đến, Bồ-tát Ma-ha-na-bát sẽ thành Phật, chủ trì sự nghiệp trí tuệ, thống lĩnh sự dạy bảo và hóa độ phước đức cho mọi loài. Cũng như Đại sư A-di-đà Phật, Bồ-tát trụ thế vô số kiếp vẫn chưa nhập Niết-bàn, lần lượt truyền thừa, tiếp nhận kinh đạo, sáng lạng vô cùng, cõi nước cực thiện. Giáo pháp cũng thế, không bao giờ đoạn tuyệt mà tồn tại mãi mãi vô cùng vô tận.

Bấy giờ, Hiền giả A-nan quỳ xuống, chắp tay thưa hỏi Phật:

–Trong cõi nước của Phật A-di-đà không có núi Tu-di, thì cõi trời thứ nhất là Tứ thiên, cõi trời thứ hai là Đạo-lợi, sẽ nương tựa vào đâu? Con muốn nghe Thế Tôn dạy điều này.

Đức Phật bảo A-nan:

–Ông có ý nghi ngờ về trú xứ của Phật A-di-đà chăng? Ví như nước trong biển cả từ khắp thiên hạ vô cùng vô tận vô biên vô lượng trong mười phương, có một người đong lường nước biển ấy, vẫn có thể làm khô cạn tận đáy bùn, nhưng trí tuệ Phật thì không như vậy. Theo sự thấy biết của Ta, chư Phật thời quá khứ có tên Thích Ca Văn Phật như Ta nhiều như số cát sông Hằng, mỗi hạt cát là một Đức Phật. Chư Phật vị lai có tên như Ta cũng nhiều như số cát sông Hằng. Người vừa mới mong cầu thành Phật có tên như Ta cũng nhiều như số cát sông Hằng. Nếu nhìn thẳng về phương Nam thì thấy ở phương Nam, Phật ngay đời hiện tại có tên gọi như Ta cũng nhiều như số cát sông Hằng. Chư Phật đời quá khứ, vị lai, hiện tại khắp mười phương có tên gọi như Ta cũng nhiều như số cát sông Hằng, mỗi hạt cát là một Đức Phật. Vô số Phật như vậy, Phật đều thấy biết tất cả.

Đức Phật dạy:

–Thuở xưa, vô số kiếp đã qua, một kiếp hay mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp, ức vạn ức kiếp, trong đó có Phật thuộc về quá khứ, một Phật, mười Phật, trăm Phật, ngàn Phật, vạn Phật, ức Phật, ức vạn ức Phật, các Đức Phật ấy có danh hiệu không giống nhau, hoặc không có danh hiệu như Ta. Trong vị lai, một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp, ức vạn ức kiếp, trong kiếp ấy có Phật, một Phật hay mười Phật, trăm Phật, ngàn Phật, vạn ức Phật, ức vạn ức Phật, những Đức Phật ấy có danh hiệu không đồng nhau, lâu lâu mới có một Phật có danh hiệu như Ta. Vô số cõi nước khắp mười phương, có Đức Phật hiện tại. Tiếp đến cõi nước phương khác có một cõi Phật, mười cõi Phật, trăm cõi Phật, ngàn cõi Phật, vạn cõi Phật, ức cõi Phật, ức vạn ức cõi Phật, trong đó có Phật nhưng danh hiệu thì khác nhau rất nhiều, không giống danh hiệu của Ta. Vô số chư Phật trong mười phương, lâu lâu mới có Phật có danh hiệu như Ta. Khắp mười phương, thời quá khứ, vị lai và hiện tại, suốt trong khoảng thời gian mênh mộng diệu vợi ấy thật là dằng dặc xa xôi, vô cùng vô tận, Trí Phật hiển bày vô cùng trong sáng, suy cổ biết kim. Phật biết trước tất cả mọi kiếp hiện tại và vị lai, đoán biết quá khứ vô tận, nhiều không thể tính hết. Oai thần chói sáng cao vợi của vô số chư Phật, Ngài đều biết rõ. Đạo đức và trí tuệ Phật hợp thành ánh sáng nên hoàn toàn không thể nói kinh đạo của Phật cùng tận được. Trí tuệ của Phật không bao giờ có thể đo lường hay nói hết được.

Hiền giả A-nan nghe lời Phật dạy, toàn thân run sợ, vội quỳ xuống bạch Phật:

–Con không dám có ý nghi ngờ về trú xứ của Phật. Sở dĩ con thỉnh hỏi Đức Thế Tôn như vậy vì con thấy những cõi nước phương khác đều có núi Tu-di để Tứ thiên vương và trời Đao-lợi cùng nương tựa vào đó an trụ. Con sợ sau khi Phật nhập Niết-bàn, bất chợt có chư Thiên, loài người hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đến hỏi con về cõi nước Phật A-di-đà vì sao không có núi Tu-di để cho trời Tứ thiên vương, trời Đao-lợi an trú thì con chẳng biết cách nào giải đáp cho họ. Nếu bây giờ không thỉnh hỏi Phật, sau khi Phật đi rồi, con sẽ lấy gì để giải đáp điều họ hỏi? Chỉ riêng Đức Thế Tôn mới biết rõ

việc này, ngoài ra mọi người không ai có thể giải đáp cho con. Do vậy, hôm nay con thưa hỏi Phật.

Đức Phật bảo A-nan:

–Cõi trời thứ ba là Diệm thiên, cõi trời thứ tư là Đâu-suất thiên, cõi trời thứ bảy là Phạm thiên sẽ nương vào đâu để ở?

Hiền giả A-nan thưa:

–Chư Thiên ấy đều ở trong hư không. Vì trong hư không không có nơi nương tựa. Oai thần của Phật rất lớn, tự nhiên làm theo ý muốn, ý muốn làm gì thì không cần dự tính.

Chư Thiên mà còn ở trong hư không, hướng chi Phật là đáng có oai thần tôn quý, lại cần có chỗ nương tựa chăng?

Hiền giả A-nan nghe lời Phật dạy, rất hoan hỷ, quỳ xuống chấp tay thưa:

–Trí tuệ Phật biết rõ mọi việc thời quá khứ, vị lai và hiện tại khắp mười phương, thật là vô cùng vô tận, minh mông không bờ bến, rất cao siêu vĩ đại, diệu kỳ an lạc, cực kỳ sáng suốt, tốt đẹp không gì có thể sánh được. Oai thần của Phật rất tối thắng, không gì có thể tương xứng.



KINH A DI ĐÀ

QUYỂN HẠ

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

–Nếu những thiện nam, thiện nữ và dân chúng trong thế gian này nguyện sinh sang cõi Phật A-di-đà thì có ba hạng người làm việc phước đức có lớn có nhỏ, tuần tự không giống nhau. Ba hạng đó là:

Hạng tối thượng tức người từ bỏ gia đình, vợ con, đoạn tận ái dục, sống đời Sa-môn, thành tựu đạo vô vi, thường làm đạo Bồ-tát, phụng hành sáu pháp Ba-la-mật, làm Sa-môn đối với kinh giới không thiếu mất, tâm từ tinh tấn, không sân hận, không giao thông cùng người nữ, trai giới thanh tịnh, tâm không tham luyến, chí thành tha thiết, mong được sinh sang cõi Phật A-di-đà, luôn luôn chí tâm nhớ nghĩ không ngưng dứt. Trong thời gian cầu đạo, người này trong giấc ngủ mộng thấy Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán. Khi người ấy sắp qua đời, chính Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán cùng bay đến nghênh đón, tức thời được sinh sang cõi Phật A-di-đà, hóa sinh từ hoa sen trong ao bảy báu, tự nhiên thọ thân cao lớn, được làm Bồ-tát bất thoái chuyển và cùng với các Bồ-tát bay thành hàng đến cúng dường vô số chư Phật khắp mười phương. Người này liền đạt trí tuệ dũng mãnh, thích nghe kinh đạo, thân tâm hân hoan vui mừng, được ở nơi nhà cửa bằng bảy báu trong hư không, muốn làm việc gì tha hồ tùy ý và được thân cận Đức Phật A-di-đà.

Đức Phật dạy:

–Những ai muốn được sinh sang cõi Phật A-di-đà, phải nên tinh tấn, giữ gìn giới kinh, phụng hành những pháp như trên đã nêu, sẽ được sinh sang cõi Phật A-di-đà, được mọi người tôn kính. Đây là hạng người thứ nhất.

Đức Phật dạy:

–Ở đây có hạng người muốn được sinh sang cõi Phật A-di-đà

nhưng không thể lìa xa gia đình, rời bỏ vợ con, đoạn tận ái dục, làm Sa-môn. Họ sẽ giữ gìn kinh giới không để khiếm khuyết, làm nhiều việc bố thí, tin thọ lời kinh Phật bằng niềm tin chí thành tha thiết sâu xa, cúng dường thực phẩm cho Sa-môn, làm chùa xây tháp, dâng hoa, thắp đèn, treo cờ phướn tốt đẹp, cúng dường đúng như pháp, không còn lệ thuộc thân sơ, không sân hận, trai giới thanh tịnh, từ tâm tinh tấn, chấm dứt ý niệm về ái dục. Người này muốn sinh sang cõi Phật A-di-đà nên trong suốt một ngày một đêm không ngưng dứt khởi niệm như thế, thì ngay trong đời hiện tại cũng được mộng thấy Phật A-di-đà. Khi người này qua đời, Phật A-di-đà liền hóa hiện làm cho được trông thấy Phật và cõi nước của Ngài. Người này được sinh đến cõi Phật A-di-đà và được trí tuệ dững mãi.

Đức Phật dạy:

–Nếu người thực hành bố thí như vậy, về sau lại hối tiếc, trong lòng hồ nghi, không tin rằng bố thí, làm việc thiện, đời sau được phước, không tin có cõi Phật A-di-đà, không tin có người vãng sinh vào nước đó. Mặc dù vậy, người này liên tục nhớ nghĩ đến việc thiện không dứt. Tuy rằng đôi lúc ý chí do dự không chuyên nhất, nhưng ước nguyện thiện vẫn tiếp tục làm gốc cho nên được vãng sinh. Người này khi bệnh, sắp qua đời, Đức Phật A-di-đà hóa làm hình tượng, khiến cho người này được trông thấy nhưng không thể nói thành lời, trong lòng cảm thấy hân hoan, vui mừng, nghĩ: “Ta hối hận vì không biết làm thiện, giữ gìn trai giới, ngày nay mới được sinh sang cõi Phật A-di-đà”. Người này tự ăn năn hối lỗi như vậy.

Người hối lỗi dù đối với chuyện nhỏ vẫn có chút hổ thẹn thì cũng kịp thời. Sau khi chết liền được sinh sang cõi Phật A-di-đà, nhưng không thể đến trước chỗ Phật A-di-đà. Lại thấy tự nhiên ở trong thành bảy báu, ở một bên cõi Phật A-di-đà, trong lòng cảm thấy rất vui nên dừng chân trong thành ấy và được hóa sinh từ hoa sen trong ao bảy báu, và tự nhiên được thọ thân cao lớn, rồi ở trong thành này khoảng năm trăm năm. Thành ấy ngang dọc mỗi bên hai ngàn dặm. trong thành cũng có nhà cửa bảy báu, trong ngoài đều có ao tắm bảy báu, nơi ao tắm có hoa tỏa hương xung quanh, trên ao tắm có những hàng cây bảy báu, tạo thành năm loại âm thanh. Khi muốn ăn uống, tự nhiên thức ăn hiện ra trước mặt với đầy đủ hương vị ngon ngọt, tùy

theo sở thích mà dùng. Người ở nơi thành này rất khoái lạc, có vật dụng tự nhiên sánh bằng trên trời Đao-lợi. Tuy vậy, người ở trong thành này không được đi ra ngoài, cũng không thấy Phật A-di-đà, mà chỉ thấy hào quang thôi. Thấy rồi, người ấy tự ăn năn sám hối và hân hoan vui mừng nhưng cũng chưa được nghe kinh, chưa được gặp các Tỳ-kheo Tăng, chưa thấy biết dung mạo của các Bồ-tát, A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà như thế nào. Người ấy mắc phải chút sầu khổ như vậy là do hạnh nghiệp của mình.

Phật không khiến người này như thế, mà do việc làm của thân tự nhiên đạt được như vậy, vì thế tự tâm hướng về con đường đi vào trong thành. Đời trước, khi cầu đạo, người này tâm và khẩu khác nhau, ý nghĩ và ngôn từ không thành tín, nghi ngờ kinh Phật, không tín hướng Tam bảo nên tự đi vào trong đường ác. Phật A-di-đà vì thương xót nên dùng oai thần dẫn dắt để được thoát ra. Người này ở trong thành suốt năm trăm năm mới được ra khỏi, rồi đến chỗ Phật A-di-đà nghe kinh, nhưng tâm không hiểu biết thông suốt, không được ở nơi các Bồ-tát, A-la-hán, Tỳ-kheo Tăng để nghe kinh. Tương tự, người này chỉ ở nhà cửa trên đất bằng chứ không thể làm nhà cửa cao rộng tùy ý trong hư không được, và cách Phật A-di-đà rất xa nên không thể gần gũi được. Người này trí tuệ không sáng suốt, ít biết kinh điển, tâm không hoan hỷ, ý không cởi mở. Trải qua thời gian rất lâu, người này mới có trí tuệ tỏ ngộ, hiểu rõ kinh điển, dũng mãnh sáng suốt, tâm ý an vui, dần dần mới được như hạng người thứ nhất đã nêu trên. Vì sao? Vì người này đời trước, lúc cầu đạo, không giữ gìn trai giới, hủy mất pháp kinh, ý chí nghi ngờ không tin lời Phật, không tin kinh Phật sâu xa, không tin bố thí làm thiện đời sau sẽ được phước báo, mà còn có tâm hối tiếc, không tin sinh sang cõi Phật A-di-đà, không chí tâm làm công đức. Do đó nên mới như vậy. Đây là hạng người thứ hai.

Đức Phật dạy:

–Hạng người thứ ba: Tức là người muốn sinh sang cõi Phật A-di-đà nhưng không làm việc bố thí, không thấp đèn, xông hương, rải hoa, treo cờ phướn lọng báu, làm chùa, xây tháp, cúng dường thực phẩm cho Sa-môn, mà chỉ đoạn tận ái dục, không có sự tham luyến, tâm từ tinh tấn, không sân hận, trai giới thanh tịnh. Do thực hành đúng pháp như vậy và nhất tâm mong được sinh sang cõi Phật A-di-đà trong suốt

mười ngày đêm không gián đoạn, nên lúc qua đời được sinh sang cõi Phật A-di-đà, có trí tuệ dũng mãnh, được mọi người tôn kính.

Đức Phật dạy:

–Người đã thực hành những điều như vậy, sau lại hối tiếc, tâm ý nghi ngờ, không tin làm thiện đời sau sẽ được phước báo, không tin sinh sang cõi Phật A-di-đà. Mặc dù vậy, người này vẫn được vãng sinh. Khi mang bệnh sắp qua đời, được Phật A-di-đà làm cho trong giấc mộng trông thấy cõi nước của Ngài, người này vô cùng vui mừng, tự nghĩ: “Ta hối tiếc không biết làm nhiều nghiệp thiện, ngày nay sẽ được sinh sang cõi Phật A-di-đà”. Chỉ suy nghĩ như vậy nhưng miệng không thể nói nên lời mà chỉ tự ăn năn hối lỗi. Người biết hối lỗi như thế nên tội dần dần được tiêu trừ và còn kịp thời để vãng sinh. Nhờ vậy, khi qua đời, người này được sinh sang cõi Phật A-di-đà nhưng chưa thể đến chỗ Ngài được, mà chỉ ở trong thành bảy báu cách xa Phật hai ngàn dặm. Tuy nhiên, trong lòng người này vẫn vui vẻ nên dừng lại nơi thành ấy, và được hóa sinh trong hoa sen nơi ao bảy báu, tự nhiên thọ thân cao lớn. Cách thức trong thành này cũng như thành trước, vật dụng tự nhiên ngang với cõi trời Đao-lợi. Người này ở trong thành suốt năm trăm năm mới được ra khỏi, đến chỗ Phật A-di-đà, trong lòng rất đổi vui mừng, được nghe kinh nhưng tâm không tỏ ngộ, ý không an lạc, trí tuệ tối tăm, biết kinh quá ít, và chỉ được ở nhà cửa nơi đất bằng chứ không thể tùy ý làm cho nhà cửa cao rộng như ở trong hư không được, lại cách Phật A-di-đà quá xa, không thể gần gũi được vì có lòng nghi ngờ giống như hạng người thứ hai.

Trải qua thời gian rất lâu, trí tuệ người này được khai mở, hiểu kinh, dũng mãnh, tâm an lạc giống như hạng người thứ nhất. Vì sao? Vì đời trước, khi cầu đạo mà lòng lại nghi ngờ, lúc tin lúc không tin. Do không tin làm thiện sẽ được phước đức, nên tự nhiên mà được phước quả như vậy. Tùy vào công đức nhiều hay ít, tự nhiên đưa đến việc thuyết kinh hành đạo, siêu tuyệt gấp trăm ngàn vạn ức không sánh bằng.

Đức Phật dạy:

–Người nào muốn cầu đạo Bồ-tát và sinh vào cõi Phật A-di-đà, về sau sẽ đạt được quả vị Bồ-tát bất thoái chuyển. Vị Bồ-tát bất thoái chuyển này có ba mươi hai tướng tốt với sắc vàng ròng, tám mươi vẻ

đẹp, và sẽ thành Phật. Tùy vào tâm nguyện mong cầu có thể thành Phật ở cõi nước phương khác. Không bao giờ đọa vào loài cầm thú hay địa ngục, ngạ quỷ. Tùy theo sự tinh tấn cầu đạo mà sớm hay muộn được thành Phật đạo. Cầu đạo không ngưng nghỉ thì sẽ đắc đạo, sự mong ước nguyện cầu cũng không mất đi bao giờ.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và chư Thiên, vua quan, dân chúng:

–Những ai muốn sinh sang cõi Phật A-di-đà, mặc dầu không tinh tấn, thiền định, giữ giới kinh nhưng phải siêng năng làm mười nghiệp thiện. Những gì là mười?

Một là không được giết hại.

Hai là không được trộm cắp.

Ba là không được dâm dục hoặc dâm dục với vợ người khác.

Bốn là không được nói dối.

Năm là không được uống rượu.

Sáu là không được nói lưỡi hai chiều.

Bảy là không được nói lời thô ác.

Tám là không được nói phù phiếm.

Chín là không được có tâm ganh ghét.

Mười là không được tham lam. Không được trong lòng có sự tham tiếc bôn sẻn. Không được sân hận. Không được ngu si. Không được tha hồ ham muốn. Không được hối tiếc trong lòng. Không được nghi ngờ. Nên làm việc hiếu thuận. Nên trung tín chí thành. Nên tin nhận lời kinh Phật. Tin một cách sâu xa rằng làm thiện đời sau được phước.

Hãy phụng trì như vậy, vì pháp này không bao giờ mất, nó tồn tại theo ước nguyện tự tâm để được sinh sang cõi Phật A-di-đà. Điều quan trọng là phải trai giới, nhất tâm thanh tịnh, ngày đêm luôn giữ ý niệm muốn được sinh sang cõi Phật A-di-đà suốt mười ngày mười đêm không gián đoạn. Ta thương tưởng tất cả mọi loài nên khiến họ được sinh vào cõi Phật A-di-đà.

Đức Phật dạy:

–Người đời vì mến mộ hiền minh, nên ở nhà tu thiện hành đạo, sống chung cùng vợ con trong ân tình luyến ái gặp nhiều lo nghĩ, khổ sầu, việc nhà trăm mối, không có thời gian rảnh rỗi để một lòng trai giới thanh tịnh. Mặc dầu không từ già gia đình, xa lìa ái dục, nhưng khi

có thời gian thông thả, tự đoan tâm chánh niệm, chuyên thân hành thiện, tinh tấn tu hành trong suốt mười ngày đêm, tuyệt đối không suy nghĩ, tính toán tới chuyện khác. Nếu muốn thân này được độ thoát, phải quyết tâm chấm dứt niệm tưởng và bỏ sự âu lo. Chớ nghĩ đến việc nhà, không cùng với vợ chung giường, tự đoan thân chánh niệm, đoan trừ ái dục, nhất tâm trai giới thanh tịnh, chí thành nghĩ đến việc sinh vào cõi Phật A-di-đà, suốt một ngày đêm không gián đoạn. Đến khi qua đời được sinh sang cõi Phật A-di-đà, hóa sinh trong hoa sen nơi ao bảy báu, sống trong nhà cửa cũng bằng bảy báu, tùy ý hành động một cách tự tại, giống như hạng người thứ nhất đã nêu trên.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Vô số chư Thiên, loài người, Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khắp mười phương mà được sinh sang cõi Phật A-di-đà, tất cả chúng hội lớn đều cùng ở trong ao tắm bảy báu, cùng một người ngồi trên một hoa sen lớn, tự tu luyện đạo đức và hành thiện. Ai nấy đều tự nói về thời gian cầu đạo trong đời trước của mình, về sự giữ giới, thực hành pháp thiện hay cội nguồn nơi họ sinh ra, sự ưa thích kinh đạo, trí tuệ biết kinh, công đức đã làm theo trình tự. Họ thuật lại tất cả mọi chuyện như biết kinh có rõ hay không, trí có sâu cạn, lớn nhỏ, đức có cao thấp, dày mỏng, và tự nhiên biết rõ, lại dùng tài năng, trí tuệ dũng mãnh để quan sát nhau, lễ nghĩa thuận hòa, cùng tự hoan hỷ phấn chấn, đều không lệ thuộc nhau.

Đức Phật dạy:

– Người nào bỏ hẳn không tạo phước đức, xem thường làm thiện, vì không tin nên chỉ dựa vào sự biếng trễ. Do vậy nên đến lúc vâng tập nghe thuyết kinh đạo, người ấy tự nhiên bức xúc ứng đáp chậm chạp. Tuy trí đạo thù thắng siêu tuyệt, cao vời, mạnh mẽ, nhưng chỉ do yếu đuối, không lãnh hội được nên sinh ra hối tiếc. Việc hối tiếc ấy đã quá muộn màng và chỉ làm tăng thêm lòng bi thương ân hận chứ chẳng có ích gì.

Đức Phật dạy:

– Các Bồ-tát, A-la-hán v.v... ở cõi Phật A-di-đà tự nhiên vâng tập rất đông đủ. Họ định tâm chế ý, tĩnh tâm chánh niệm, đoan tâm chánh hạnh, thân thông tự tại, cùng tiếp nối nhau bay qua lại các cõi nước khác để cúng dường vô số các Đức Phật. Tâm ý họ luôn hân hoan vui

mừng cùng nhau xem kinh hành đạo, hòa hiếu lâu bền, trí tuệ vẹn toàn, chí lớn sánh với hư không, tinh tấn cầu nguyện, tâm không bao giờ thoái lui, ý không bao giờ lay chuyển, đồng thời không khi nào biếng nhác. Tuy nhìn bên ngoài các vị ấy có vẻ khoan thai chậm rãi nhưng trong tâm lại tha thiết khẩn cầu đạo quả. Các vị đạo chơi giữa hư không nhưng vẫn hợp nhất thân tâm, nghiêm chỉnh tự nhiên, nghiêm túc thẳng ngay, thân tâm thanh khiết, không có ái dục, không có sự tham đắm, không có những tỳ vết dơ xấu. Chí nguyện của các chúng Bồ-tát, A-la-hán hoàn toàn an định, thù thắng tốt đẹp, không thêm hay giảm. Các vị luôn cầu đạo chân chánh, không nghiêng theo tà, y theo đạo pháp, theo tôn chỉ của kinh không dám sai lệch, bất cứ nơi nào ở khắp mười phương vẫn không có bờ bến, tùy ý tự tại đi đến nơi vô cùng vô tận, an nhiên hành đạo. Tâm lượng của các vị khoan dung và rộng rãi, suốt đời chỉ nghĩ đến đạo chứ không nghĩ gì khác, không có lo nghĩ mà tự nhiên vô vi như đứng giữa hư không. Các vị an nhiên vô dục, thực hành nguyện thiện, hết lòng tìm cầu và nuôi dưỡng tâm từ thương xót, trong ngoài đều tinh tấn, hợp với lễ nghĩa, rộng suốt không trái, tương xứng thuận hòa bao trùm cả trong ngoài, hóa độ chúng sinh giải thoát, có thể thẳng tiến Niết-bàn, đồng thời làm tăng trưởng đạo đức hợp thành ánh sáng, tự nhiên cùng bảo hộ nhau, càng thêm nhiều an vui, chân thật rõ ràng, thanh khiết và sáng suốt, chí nguyện vô thượng, an định thanh tịnh, tĩnh lạc vô cùng tận, tốt đẹp không gì sánh bằng, sáng ngời với vợ, tỏa chiếu mở bày xuyên suốt tất cả. Các vị đã đạt được thực tướng tự nhiên nhưng không có nghĩa là rộng không nên hợp thành năm thứ ánh sáng với chín màu rực rỡ xen lẫn nhau xoay vần tính đến trăm ngàn lần trong hình thức đơn hoặc kép. Tất cả đều tự hòa quyện tạo thành bảy báu soi sáng khắp vạn hữu. Hào quang trong suốt xen lẫn ánh sáng tỏa ra nhiều màu sắc diệu kỳ, tạo nên một khung cảnh tuyệt diệu vô cùng.

Cõi Phật vô cùng tốt đẹp đến thế, tại sao chúng sinh không nỗ lực làm thiện? Nếu nói chúng sinh ở cõi này tự nghĩ đến đạo, tâm không phân biệt, trên dưới thông suốt không bến bờ và chí nguyện như hư không thì tại sao chúng ta không tinh tấn tự nỗ lực hành đạo để đạt đến nơi siêu tuyệt sinh sang cõi nước Phật A-di-đà nhằm cắt đứt năm đường ác và tiến đến đạo quả vô thượng?

Cõi Phật ấy vốn thuận theo tự nhiên. Tại sao chúng ta không rũ bỏ việc đời, nỗ lực đi tìm cầu đạo đức để có được cuộc sống bền vững, tuổi thọ dài vô tận, mà lại tham đắm việc đời với những lo toan bất tận? Thông thường người đời luôn bạc nhược và tục lụy nên cùng tranh đua nhiều việc không đâu, cùng sống trong chốn khổ cực, xấu ác bủa vây, đời sống trở nên nhọc nhằn vì kế mưu sinh. Không luận tôn ty, giàu hay nghèo, già hay trẻ, nam hay nữ đều phải lo lắng về tiền tài, dầu có hay không vẫn phải ưu tư như nhau. Cứ thế sầu khổ thêm nhiều, nghĩ suy chông chất, bị tâm sai khiến, chẳng mấy lúc được an. Có ruộng thì lo ruộng, có nhà lo nhà, có trâu lo trâu, có ngựa lo ngựa, có gia súc lo gia súc, có nô tỳ lo nô tỳ, có y phục, tiền tài, vàng bạc, vật báu v.v... tất cả đều nơm nớp lo âu. Nỗi lo âu và sợ hãi kéo dài triền miên như sợ vô thường đến bất chợt, đạo tắc, nước lửa, oan trái, nợ nần, bị nước trôi, lửa cháy, trời buộc, xâm phạm, chìm mất v.v... Nỗi lo khổ hoảng sợ như thế, chẳng lúc nào được giải thoát. Sân hận kết tập thành khí uất ức trong lòng ngực, lo sầu khổ nào thành bệnh nơi ngực, bụng v.v... không dứt. Tâm ý chấp chặt không buông bỏ, hoặc bị giam giữ suốt đời cho đến mất mạng, từ bỏ tất cả còn gì mang theo. Dù tôn quý hay bần tiện, giàu sang hoặc nghèo khó cũng có sự lo âu, sợ hãi khổ sở ấy, cùng gắn chặt với sự nóng, lạnh v.v..., ở chung với sự thống khổ.

Người nghèo ít gia sản, khốn khổ bần cùng, thiếu hụt, không có ruộng lại lo muốn có ruộng, không có nhà lo muốn có nhà, không có ngựa lo muốn có ngựa, không có trâu lo muốn có trâu, không có gia súc lo muốn có gia súc, không có nô tỳ lo muốn có nô tỳ; không có y phục, thực phẩm, tiền tài, mọi vật dụng v.v... lại lo muốn có tất cả những thứ đó. Vừa có thứ này, lại thấy thiếu thứ kia. Có cái này ít thì nghĩ phải có cho nhiều bằng cái kia. Nói chung sự ham muốn cứ tiếp nối nhau, theo một mạch xích liên tục không bao giờ chấm dứt. Từ đó nỗi đau khổ nối đuôi nhau xuất hiện suốt trong quá trình tìm cầu lo nghĩ mà lắm khi cả đời cũng không nắm bắt được gì đến nỗi khiến cho thân tâm trở nên lao nhọc, bôn ba đứng ngồi chẳng yên. Và cứ như thế khổ đau sống dậy theo ham muốn với lửa sân hận đốt cháy tâm can tạo nên sự thống khổ tương tục vô cùng tận.

Có khi được sống ở cõi trời cũng không chịu hành đạo làm thiện,

đến lúc chết một mình phải vào nẻo xa xôi, đi đến chỗ thiện hay ác cũng không thể nào biết được. Do vậy, được sinh ra làm người trong cõi trời đất bao la này dù là cha con, anh em, vợ chồng thân thuộc hay không thân thuộc cũng cần phải thương yêu kính trọng lẫn nhau, không nên oán ghét nhau. Dù có điều kiện thuận lợi hay không có thì cũng nên động viên giúp đỡ lẫn nhau chớ đừng bao giờ đem tâm hiểm khích tham tiếc để chống báng nhau. Và lại trong cách cư xử và lời nói cũng cần phải ôn hòa thận trọng chớ đừng có thái độ bất đồng và chưởi bới lẫn nhau. Nếu trong đời này, con người có ý niệm sân hận tranh cãi lẫn nhau dù chỉ là ít ỏi nhưng đời sau sẽ thành một khối u ngăn cách lớn lao đến nỗi trở thành oan gia thù địch với nhau. Vì sao? Vì đời nay muốn tàn hại lẫn nhau tuy chưa có dịp để thực hiện, nhưng trong tâm đã kết thành nỗi uất hận sâu thẳm không thể nào xả bỏ được, nên đời sau phải nhận lấy quả báo tàn hại lẫn nhau.

Hầu hết con người sống trong biển ái dục của thế gian đều đến đi, sống chết một mình theo hạnh nghiệp đã gây tạo nên sau khi đầu thai vào chốn khổ hay vui cũng tự mình gánh vác lấy chứ không ai thay thế được. Hơn nữa, thiện ác biến hóa vô cùng tận và có quả báo nhất định nên nếu người làm ác thì sẽ cô độc một mình mong lấy hành trang tội lỗi tai ương đi vào nhưng nơi mù mịt xa xôi không ai biết được đó là chỗ nào. Thiện hoặc ác tự nhiên đeo đuổi suốt quãng đường đời, thăm thẳm mù mù, biệt ly mãi mãi, không cùng đạo lộ nên chẳng hẹn thời gian gặp gỡ, và rất khó để cùng nhau hội ngộ.

Vậy tại sao mọi người không từ bỏ việc gia đình khi hãy còn khỏe mạnh, để nỗ lực làm thiện, nỗ lực tinh tấn mong cầu vượt thế gian nhằm được sống lâu vô tận? Ngay bây giờ, không chịu cầu đạo, lại mong chờ niềm vui nào nữa? Trong thế gian có những người thường không tin làm thiện được thiện, không tin hành đạo sẽ đắc đạo, không tin sau khi chết sẽ tái sinh, không tin bố thí cho người khác thì được phước đức. Nói chung họ hoàn toàn không tin gì cả và luôn cho rằng những điều trên thực sự không phải như vậy mà chỉ là hư ảo nên họ cứ an nhiên làm theo cách nghĩ của riêng mình. Hơn nữa, họ thừa kế cả một kho tàng chứa đựng đầy thành kiến của cha ông vốn không làm việc thiện và không hành đạo nên lần lượt từ trước đến sau thân tâm ám độn, ý chí bế tắc, không thấy được đạo giải thoát, không biết

sự sống chết của con người đều có xứ sở, không thấy biết rõ con đường đưa đến thiện ác và hoàn toàn mù tịt trước quả báo của thiện ác cũng như phước đức hay tai ương. Họ không thấy rõ ngay cả con đường sinh tử chuyển tiếp không ngừng, hoặc cha khóc con hay con khóc cha, em khóc anh hay anh khóc em, vợ khóc chồng hay chồng khóc vợ, gốc ngọn, dưới trên, vô thường, điên đảo đều sẽ đi qua không tồn tại được. Đối với lời dạy mở đường dẫn lối, người tin đạo rất ít nên phải chịu tử sinh không có ngừng nghỉ. Những hạng người này mê muội chống đối xúc phạm không tin lời kinh, chỉ muốn khoái lạc. Tâm không suy nghĩ tính toán, ngu si ái dục, chẳng biết đạo đức, mê hoặc sân hận, tham đắm tài sắc, do đó không đạt đạo, phải sống nhọc nhằn gian khổ, sinh nơi đường ác, không bao giờ được ngừng nghỉ, đau đớn thật đáng thương.

Hoặc khi những người thân trong gia đình như cha con, anh em, chồng vợ v.v... có người chết, lại buồn thương khóc lóc, lo nghĩ phần kết, ân ái buộc ràng, tâm ý vương vít thống khổ sầu thương suốt ngày đêm, không lúc nào khuấy. Nếu được sự chỉ dạy về đạo ý thì tâm không tỏ ngộ lại nghĩ nhớ ân tình yêu mến không nguôi, và bế tắc mịt mờ đan xen che khuất, nên không thể giữ tâm đoan chánh, quyết định từ bỏ việc đời, chuyên nhất hành đạo. Do vậy, cứ xoay vần cho đến cuối cùng khi thọ hết mạng tận vẫn không thể đắc đạo, không thể được gì. Tất cả những xấu xa rối rắm ấy đều từ tham đắm ái dục phát sinh ra. Với phương cách như vậy thì nhiều người không hiểu đạo và ít người đắc đạo. Cuộc đời chợt thoáng mong manh, không thể lười biếng, ý lại được.

Tôn ty cao thấp, sang giàu hay nghèo nàn, nam nữ lớn nhỏ bốn ba việc của mình nên phải nhọc nhằn cùng khổ, ôm lòng oán thù sát hại, khí ác phủ mờ tâm tối, không ai mà không buồn bã vì những việc làm vọng tưởng, ác nghịch đất trời, chẳng thuận nhân tâm. Trước theo sự ác không đạo đức, tha hồ hành động; tuổi thọ chưa đến đã vội mất thân, liền rơi vào đường ác, khổ sở nhiều đời, sầu đau triền miên đến ngàn vạn ức năm không có kỳ hạn. Thống khổ này làm sao nói hết. Thật đáng thương thay!

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và các trời, vua quan, dân chúng:

–Ta bảo các người rằng người làm việc của thế gian nên họ

không đạt đạo. Các người hãy suy nghĩ cho chín chắn. Hãy buông bỏ xa lìa nghiệp ác và thực hành theo nghiệp thiện. Nên kiên trì, chớ làm việc trái quấy theo vọng tưởng. Càng làm nhiều việc thiện thì sự trôi dạt của ái dục dù lớn hay nhỏ cũng dần dần chìm xuống và đi đến hoại diệt. Do vậy hãy nỗ lực lánh xa ái dục. Nếu sinh ra gặp thời không có Phật nhưng người nào tin nhận lời kinh sâu xa của Phật, phụng hành đạo, đều là em nhỏ của Ta. Những người muốn học giới kinh Phật đều là đệ tử của Ta. Những người muốn lìa xa gia đình, từ giã vợ con, dứt bỏ tiền tài, sắc đẹp, xuất gia làm Sa-môn, làm Tỷ-kheo theo Phật v.v... đều là con cháu của Ta. Nên biết sinh ra đời được gặp Ta là rất khó. Người nào nguyện được sinh sang cõi Phật A-di-đà, muốn được trí tuệ dũng mãnh, được mọi loài tôn kính thì không nên để tâm chạy theo dục vọng và làm trái ngược giới kinh. Về sau, người này thỉnh thoảng có lúc nghi vấn không hiểu ý kinh, đến thỉnh hỏi Phật, Ta sẽ giải thích cho.

Bồ-tát A-dật quỳ gối chấp tay thưa:

–Oai thần của Phật thật vô cùng tôn quý! Phật thuyết kinh rất hay, khiến chúng con khi được nghe lời Phật dạy, trong tâm đều thông suốt. Sự thật của người đời là vậy, đúng như lời Phật nói, hoàn toàn không khác. Nay Phật từ bi thương xót chúng con, mở bày con đường lớn, chỉ dạy cho chúng con. Mắt tai chúng con hôm nay mới được nhìn xa trông rộng và được độ thoát. Hôm nay chúng con thực sự được tái sinh, được nghe lời Phật dạy, không ai mà không có tâm từ tử ngộ và hân hoan vui mừng. Tất cả chư Thiên, vua quan, dân chúng cho đến vạn loài côn trùng đều được nhờ ân cao cả, ai nấy đều được giải thoát khỏi lo sầu đau khổ. Lời Phật chỉ dạy vô cùng sâu xa hiền thiện, tận cùng nguồn cội. Trí tuệ Phật thấy biết tất cả mọi việc thời quá khứ, vị lai và hiện tại khắp mười phương không kể trên hay dưới, minh mông vô bờ bến.

Gặp được Phật rất khó. Tâm từ của Phật làm cho chúng con được độ thoát, đều nhờ đời trước, khi Phật còn cầu đạo đã chịu khó chịu khổ, ân cần học hỏi mới đạt đến giác ngộ, ân đức bao trùm, Phật đã ban bố phước đức, phước lộc cao vời vợi, hào quang tỏa chiếu muôn phương sáng đến hư không vô tận, xuyên suốt cõi Niết-bàn. Phật dạy bảo truyền trao giới cấm, oai nghi thắm nhuần, tình thương chuyển

động mười phương vô cùng vô tận.

Phật là bậc Thánh, là Pháp sư tôn quý tuyệt vời mà không ai có thể sánh được. Phật vì chư Thiên, vua quan, dân chúng trong mười phương mà làm thầy, dù lớn hoặc nhỏ đều làm cho họ đắc đạo. Ngày nay được gặp Phật, được nghe thanh âm Đức Phật A-di-đà, chúng con vui mừng khôn xiết, không ai mà không được khai sáng trí tuệ.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

–Nếu quả đúng thực như vậy, nếu đã khởi tâm từ và hoan hỷ đối với Phật thì hãy niệm Phật. Thế giới này rất lâu xa mới có Phật. Nay Ta làm Phật nơi cuộc đời khổ lụy này, đã nói về kinh đạo, giáo hóa truyền trao cho chúng sinh được thấu suốt, cắt đứt sự nghi ngờ, đoạn tâm chánh hạnh, nhổ sạch gốc ái, đoạn tận cội nguồn xấu ác, tự tại thông dong, trí tuệ siêu việt suốt cả trong lẫn ngoài, nắm giữ giềng mối, chiếu sáng phân minh, khai thị năm đường, biết thật chính xác đâu là con đường sinh tử, Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

–Nếu tính từ vô số kiếp đến nay nhiều không thể đếm được, Ta đã hành đạo Bồ-tát vì muốn hóa độ chư Thiên, loài người và loài côn trùng nhỏ nhít, khiến cho từ lâu xa họ đã được độ thoát vô số, cho đến đắc đạo quả Niết-bàn cũng nhiều vô số. Nếu các người và chư Thiên, vua quan, dân chúng, hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khắp mười phương từ vô số kiếp đến nay xoay chuyển sinh tử trong năm đường thì than ôi, tiếng khóc và nước mắt hòa trộn cùng lòng tham luyến tiếc, ưu tư sầu khổ, đau đớn khổ sở không thể nói hết. Sinh tử mãi đến đời này không dứt. Chính ngày hôm nay được gặp Phật cùng gặp chúng hội, mới được nghe thanh âm của Phật A-di-đà, thật là an vui. Ta trợ giúp các người sự an vui ấy khiến tự nhàm chán sự đau đớn sinh tử. Khi sinh ra thật là đau xót, thật là khổ sở, thật là cùng cực. Đến khi trưởng thành cũng đau xót, khổ sở và cùng cực. Lúc chết cũng đớn đau, khổ sở và cùng cực. Lại ở chốn rất xấu ác bất tịnh, không được trong sạch. Thế nên Ta nói cho các người biết, các người có thể tự quyết định đoạn tuyệt con đường ác và chốn xấu xa. Các người có thể tự đoạn chánh thân tâm, thực hành nhiều nghiệp thiện, thì khi ấy mới khiến thân tâm trở nên ngay thẳng chính trực, gột sạch thân thể, tẩy trừ tâm nhơ bẩn, điều phục thân tâm, trở nên trung tín và có thể tự

độ thoát. Hơn nữa phải nên giúp đỡ lẫn nhau nhổ gốc ái dục, chí tâm sáng suốt, nguyện không lay chuyển, kết thành căn bản đạo thiện. Cuộc đời vốn vô thường trôi qua trong chốc lát cho nên các ông hãy tinh tấn nỗ lực tu tập. Đời nay làm thiện, đời sau sinh sang cõi Phật A-di-đà, vô cùng sung sướng, an vui, tăng trưởng đạo đức, hòa hợp với ánh sáng, cùng nhau hộ trì điều thiện và mãi mãi xa lìa phiền não khổ đau nơi con đường xấu ác. Đồng thời nhổ sạch gốc rễ các ác và khổ đau, đoạn trừ những ân nghĩa ái dục, trưởng sinh nơi cõi Phật A-di-đà và không còn những đờn đau thống thiết, cũng không có những chốn xấu ác, không có sự khổ sở nhọc nhằn, không có dâm dục, sân hận và ngu si, không có lo nghĩ khổ sầu.

Sinh nơi cõi Phật A-di-đà, muốn thọ một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp hay ức kiếp, tùy theo ý muốn. Muốn thọ vô số kiếp không thể tính được thì tha hồ tùy ý đạt được tất cả. Thích ăn hay không tự do tùy ý, hoàn toàn tự nhiên được như ý muốn. Đối với đạo quả Niết-bàn, mỗi người tự nỗ lực tinh tấn, sáng suốt tìm cầu mong muốn điều gì thì trong lòng không hề có sự hối tiếc hay nghi ngờ. Người nào muốn được vãng sinh thì không còn mắc phải những lầm lỗi nữa, người ấy sẽ ở bên cạnh cõi Phật A-di-đà, tự ở trong thành bảy báu đúng năm trăm năm.

Bồ-tát A-dật thưa:

–Chúng con thọ nhận lời dạy rất nghiêm minh của Đức Thế Tôn, ai nấy đều tinh tấn, nhất tâm mong cầu, vãng theo lời Phật dạy, không dám lười biếng, nghi ngờ.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và đại chúng:

–Các người ở trong cuộc đời này mà có thể tự chánh ý định tâm, thân không làm điều ác, đó là đức thiện lớn nhất. Những người như vậy thật là tối thượng trong mười phương, không ai sánh được. Vì sao? Vì chư Thiên và loài người trong vô số cõi Phật khắp mười phương đều làm thiện, ít người làm ác nên dễ giáo hóa. Nay Ta làm Phật nơi thế gian này là làm Phật ở nơi năm ác, năm sự thống khổ, năm sự thiêu đốt. Ta tận lực đem những lời chỉ dạy cho dân chúng, làm cho họ buông bỏ năm ác, xa lìa năm sự thống khổ, tránh được năm lửa thiêu đốt. Ta điều phục, giáo hóa tâm của những người này, làm cho họ giữ năm nghiệp thiện, được phước đức, sống lâu, vượt khỏi thế gian và

đắc đạo Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

–Những gì là năm ác? Những gì là năm sự thống khổ? Những gì là năm lửa thiêu đốt? Những gì làm cho tiêu trừ năm ác, để được năm thiện? Những gì là năm thiện phải giữ để được phước đức, sống lâu, vượt khỏi thế gian và đắc đạo Niết-bàn?

Đức Phật dạy:

–Nghịệp ác thứ nhất: Từ chư Thiên, loài người, cho đến loài côn trùng nhỏ nhất đa phần đều muốn làm những việc ác. Kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, dần dần dẫn đến xung khắc, oán thù, tàn sát, tổn hại, ăn nuốt lẫn nhau, không biết làm thiện, ác nghịch vô đạo, bị tai ương hình phạt là lẽ tự nhiên, dù đi đến chốn nào thân mình đều ghi chép tội lỗi đầy đủ. Nếu phạm lỗi thì lỗi ấy không mất và chuyển tiếp tương tục. Thế nên có người nghèo khổ, hạ tiện, đói khát, ăn xin, cô độc; có người mù, điếc, ngọng, câm, ngu si, xấu xí; có kẻ què cụt, cuồng dại, thua kém người. Lại có kẻ quyền quý, giàu sang, phú quý, tài cao hiển đạt, trí tuệ dũng mãnh, đó đều là nhờ đời trước làm thiện, từ hiếu, bố thí ân đức. Lại có kẻ bị việc quan hay bị vương pháp trói buộc đến nỗi phải vào lao ngục là vì không sợ, không cẩn thận, phạm pháp, làm điều ác nên bị tội nặng, dẫn đến hình phạt đau đớn và dù mong mỏi được thoát khỏi nhưng khó mà thoát ra được.

Hiện tại đời nay, những sự việc đó hiện ra trước mắt, đến lúc qua đời bị rơi vào nơi tăm tối rồi thọ thân trở lại, ví như vương pháp gia hình khổ sở cùng cực. Có kẻ ở nơi địa ngục, súc sinh, ngựa quỳ, loài côn trùng nhỏ nhiệm, dần dần thay hình đổi dạng, đổi xấu thành tốt, tuổi thọ ngắn hay dài, tình thức thân hồn tự nhiên gá vào thai mẹ thọ thân, phải một mình hưởng đến con đường sinh tử, xoay vần theo nghiệp báo với những tai ương tội ác và hình phạt không ngừng, trôi lăn trong những chốn ấy không bao giờ xa lìa được, đời đời kiếp kiếp không hẹn ngày ra, khó được giải thoát, khổ hết chỗ nói. Và giữa trời đất bao la thành linh con ma vô thường đến cướp đi tính mạng trước thời hạn. Khi ấy chỉ còn cách phó mặc cho thiệc ác đưa đẩy. Đây là điều đại ác thứ nhất, sự thống khổ thứ nhất, và là sự thiêu đốt thứ nhất.

Nỗi khổ phải gánh chịu nhọc nhằn như thế thật đáng buồn thay,

cũng như lửa dữ nổi lên thiêu đốt thân người. Tuy nhiên, nếu người nào có thể ở trong cõi ấy mà nhất tâm định ý, đoan thân chánh hạnh, tự mình làm điều thiện, không làm điều ác, thì thân được độ thoát, được phước đức sống lâu, vượt lên trên cuộc đời, đắc đạo Niết-bàn. Đây là điều đại thiện thứ nhất.

Đức Phật dạy:

–Điều ác thứ hai: Ở thế gian, vua chúa, quan lại, dân chúng, cha con, anh em, gia đình, chồng vợ đối với nhau xem thường, chẳng có đạo nghĩa gì. Họ không theo con đường chân chánh mà làm theo nhiều sự dâm dục và kiêu mạn. Ai cũng muốn vui sướng tự do theo ý mình nên lừa dối nhau, chém giết nhau, không sợ chết. Tâm và khẩu khác nhau cho nên nói và nghĩ không thật. Họ dùng những lời hoa mỹ, đua nịnh, dối trá, quanh co không chân thật, làm việc không ngay thẳng, ganh ghét nhau, dẫn đến nói những lời quanh co, gièm pha, hung ác để hãm hại người khác vào chỗ oan uổng. Vua chúa là bậc bề trên mà tâm không sáng suốt, không có tầm nhìn thấu đáo. Lại giao phó mọi chuyện cho bề tôi, để bề tôi tiếp tục giẫm chân theo đó thực hành, chỉ biết làm theo hình thức ở cương vị bất chánh, điều hành công việc sai lầm, làm tổn hại bậc trung lương hiền thiện, không xứng hợp ý trời, thật vô cùng trái với đạo lý. Thế rồi bề tôi lừa dối vua, con lừa dối cha, em dối gạt anh, vợ dối gạt chồng, trong ngoài gia đình bạn bè cùng tranh tụng nhau. Ai nấy đều ôm nhiều lòng tham độc sân hận, ngu si mê muội, sát sinh trộm cắp, không có tôn ti thượng hạ, không nam không nữ, không lớn không nhỏ, trong lòng chỉ muốn về mình thật nhiều, làm cho người khác phải tan nhà mất mạng mà không ngó nghĩ đến trước sau, thậm chí phá hoại luôn cả gia tộc, nhà cửa, thân thuộc. Có khi nội ngoại trong gia tộc hay bạn bè thân hữu nơi xóm giềng, phố thị, dân dã nghèo nàn, vì công việc mà cùng tranh lợi hại nhau, tranh tài, tranh hơn, cãi vã, sân hận, trở thành cừ địch tranh đua thắng bại. Hơn nữa ai cũng tham dục sâu nặng nên chẳng chịu bố thí cho ai. Cầu khẩn, luyến ái, bo bo tham tiếc, nên phải suy tư nghĩ ngợi, khổ thân phiền tâm. Thế nên cuối cùng không nơi nương cậy, đi đến một mình trong cõi sinh tử không ai theo cùng. Thiện ác, phước đức, tai họa, trách phạt v.v... như bóng theo hình đến chỗ thọ sinh, hoặc là đến chốn an vui, hoặc là vào nơi khổ não. Nếu để đến lúc ấy mới

thấy hối hận thì làm sao kịp nữa!

Người đời nay ngu si thiếu trí tuệ, thấy người làm thiện không biết quý mến, mà lại sân hận phỉ báng. Chỉ thích làm việc ác, làm việc không hợp đạo, chỉ muốn trộm cắp, thường ôm lòng độc ác, muốn người khác cung cấp vật dụng cho mình, phung phí đến lúc hết sạch, lại tiếp tục tìm cầu, tâm tà bất chánh, thường sống một mình sợ hãi người có thần sắc. Bây giờ không chịu tính toán, sao phải đợi khi nghiệp đến mới hối hận! Người này phải ở chốn lao ngục lâu dài, tự nhiên rơi vào chỗ chịu nhiều tai ương, lầm lỗi, nơi thế gian bần cùng, cô độc, xin ăn. Bị như vậy là do đời trước không tin đạo, không chịu làm thiện. Đời nay làm ác nên thiên thần ghi rõ, đến khi chết sinh vào đường ác. Có người ở chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hay loài côn trùng nhỏ nhít, trôi lăn trong chốn ấy đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được thoát khỏi, đau đớn không nói hết được. Đây là điều đại ác thứ hai, là sự thống khổ thứ hai, và là sự thiêu đốt thứ hai.

Nỗi khổ phải gánh chịu nhọc nhằn như thế, cũng như lửa lớn bốc cháy thiêu đốt thân người. Nếu người nào có thể ở trong cảnh ấy mà nhất tâm định ý, đoạn thân chánh hạnh, chỉ làm những việc thiện, không làm các việc ác, thì nhờ phước đức này mà thân được giải thoát, được nhiều tuổi thọ và vượt khỏi thế gian, lên trời và đắc đạo Niết-bàn. Đây là điều đại thiện thứ hai.

Đức Phật dạy:

–Điều ác thứ ba: Con người ở thế gian cùng dựa vào nhân mà sinh, cùng nương tựa ở trong trời đất, không biết sống lâu được bao nhiêu tuổi. Có người thì giàu sang phú quý, có người hiền thiện sáng suốt, có kẻ ngu si bần cùng, hạ tiện, nhỏ bé, gầy gò. Trong những người này có kẻ bất lương, chỉ ôm lòng độc ác, thân tâm không ngay thật, thường nghĩ đến dâm dục nên trong lòng tràn đầy phiền muộn. Ái dục lăng xăng rối rắm làm cho ngồi đứng không yên. Lòng tham dục bồn sển muốn được của bất chánh, hay liếc nhìn người đẹp với thái độ dâm dật xấu xa. Có vợ mà lại chán ghét, lén lút tư thông kẻ khác, mang tài sản trong nhà tiếp tay nhau làm những việc sai trái, tập hợp ăn uống rồi cùng nhau làm ác, khởi binh làm giặc, đánh thành chống cự, giết hại cướp bóc, chém chặt, cưỡng đoạt một cách vô đạo, lấy của cải tài sản người khác tóe thâu đem về cho mình, không biết sửa đổi

đời sống, việc đáng mong cầu lại không chịu mong cầu, tâm ác hiển lộ không thể khống chế hành động, muốn liên kết thành thế lực để bức hiếp người khác, muốn đoạt lấy tài sản của người khác để mang về cung cấp cho gia đình mình. Tâm ý buông thả theo những thú vui, dâm loạn với vợ người khác, không tránh cả với bà con dòng họ, khiến cho già cả, lớn bé, mọi người ai cũng ghét, trong và ngoài nhà ai cũng giận. Cũng chẳng biết sợ pháp luật, làm cho tội trạng bị ghi đầy sổ quan. Do gây tội ác như vậy nên rơi vào lao ngục. Trời, đất, các thần đều biết rõ và ghi chép đầy đủ tội trạng ấy nên theo hạnh nghiệp mà có kẻ vào chốn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, hay làm loài côn trùng nhỏ nhít, xoay vần trong chốn ấy đời đời kiếp kiếp không hện ngày ra, khó thoát khỏi sự khổ đau ấy, thật không nói hết được. Đây là điều đại ác thứ ba, sự thống khổ thứ ba, và là sự thiêu đốt thứ ba.

Nỗi khổ phải gánh chịu nhọc nhằn như thế, cũng giống như lửa lớn bốc cháy, thiêu đốt thân người. Tuy nhiên, nếu người nào có thể ở trong cảnh ấy mà nhất tâm định ý, đoạn thân chánh hạnh, chỉ làm những việc thiện, không làm các việc ác, thì nhờ phước đức này mà thân được thoát khỏi cảnh ấy, được nhiều tuổi thọ, vượt khỏi thế gian, lên trời, và đắc đạo Niết-bàn tịch tĩnh. Đây là điều đại thiện thứ ba.

Đức Phật dạy:

–Điều ác thứ tư: Đa phần người đời thường không làm thiện, tự làm bại hoại nhau, cùng bảo nhau để làm những việc ác, chủ động loan truyền điều xấu, lời nói hai chiều, nói lời hung ác, mắng nhiếc, đối gạt để rồi ganh ghét chống đối nhau, ghét ganh người tốt, chê bai hiền thiện, nhưng lại lấy đó làm niềm vui của mình. Lại không hiếu thuận cung cấp dưỡng nuôi cha mẹ, khinh thường thầy tổ, bạn hữu, không có niềm tin, khó được thành thật, tự cho mình là cao quý, phô trương quyền thế, xâm phạm xem thường người khác, không tự biết mình. Làm ác mà vẫn ngoan cố, không biết hổ thẹn, chỉ muốn ép buộc người khác sợ hãi và vâng theo mệnh lệnh của mình, không biết kính sợ thánh thần, trời đất, cũng chẳng biết dạy bảo ai làm thiện, không dạy dỗ hay giáo hóa được ai mà lại cao ngạo, khinh đời như vậy, không có tâm thương yêu, không biết sợ sệt. Thiên thần sẽ ghi chép những sự kiêu mạn này. Nhờ đời trước làm ít việc phước đức, được chút ít nghiệp thiện tiếp giúp mà được hỗ trợ nhiều. Ngày nay làm ác

nên những nghiệp thiện ấy tiêu tan, bị truy đuổi một mình trở lại đứng giữa hư không, chẳng có nơi nương tựa, còn bị nhiều tai ương lầm lỗi. Đến lúc qua đời, các nghiệp ác kéo đến vây quanh rất ngặt phải giống ruồi quần quanh, không được ngưng nghỉ, các nghiệp ác cùng kéo đến như trong sổ ghi chép của thần minh, tai họa lỗi lầm kéo lôi phải đến ngay nơi ấy, hưởng đến chịu những tai ương trách phạt, khiến thân tâm tan nát, thể chất lẫn tinh thần khổ cực không thể trốn tránh được. Sau đó bị rơi thẳng vào vạc dầu sôi. Ngay lúc ấy, vì đau khổ quá mà sinh tâm hối hận. Sự hối hận này thật quá muộn màng và chẳng mang lại lợi ích gì. Thiên đạo cũng chẳng được bước vào, nên buộc phải rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, côn trùng, rồi quanh quẩn trong những chốn này đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được thoát khỏi. Đau đớn này làm sao nói hết. Đây là điều đại ác thứ tư, là tướng khổ thứ tư, và là sự thiêu đốt thứ tư.

Sự khổ ấy cũng giống như lửa lớn bốc cháy thiêu đốt mạng người. Nếu người nào có thể ở trong cảnh ấy nhất tâm định ý, đoạn thân chánh hạnh, chỉ làm những việc thiện, không làm các việc ác, thì nhờ phước đức này mà thân được độ thoát, được nhiều tuổi thọ và vượt khỏi thế gian, lên trời, và đắc đạo Niết-bàn. Đây là điều đại thiện thứ tư.

Đức Phật dạy:

–Điều ác thứ năm: Người đời thường đi theo sự biếng trễ, không chịu làm thiện, chẳng nghĩ đến việc cải đổi đời sống, vợ con đói lạnh, cha mẹ túng thiếu. Nếu muốn quở trách dạy dỗ con cái thì người con ấy với tâm ác trợn mắt, nạt nộ lại chẳng nghe theo, chống đối kịch liệt còn hơn dã nhân, giống như kẻ thù, con cái như vậy thà rằng chẳng có còn hơn. Lại đi lừa dối vay mượn tiền bạc kết thành khổ đau khiến mọi người chán nản và không có tâm đền trả do túng thiếu nghèo khổ. Hơn nữa, vì phóng túng dục tình nên tiêu xài vô độ đến khi cạn kiệt không biết lấy đâu bù vào nên đành kết bè, kết đảng đi trộm cướp mà không hề có ý sợ phép nước ngăn cấm. Rồi ham thích rượu chè say sưa, ăn uống vô độ, chơi bời không có chừng mực, nên dẫn đến ương ngạnh xúc phạm, chẳng biết tình người, dùng sức mạnh cưỡng bức kẻ khác. Thấy người vui vẻ lại sinh lòng ganh ghét giận dữ với họ, vô lễ vô nghĩa, tự cho mình là trên hết nên không ai có thể ngăn cản. Cũng

không lo nghĩ đến sự đủ thiếu của cha mẹ, vợ con. Không nghĩ đến sự đáp đền công đức của cha mẹ, không nghĩ nhớ ân tốt đẹp của thầy tổ, tâm thường nghĩ việc ác, miệng thường nói lời ác, thân thường làm việc ác. Làm việc suốt ngày mà không có kết quả, không tin đạo đức, không tin có tiên Thánh Hiền minh, không tin làm nghiệp thiện là con đường có thể vượt khỏi cuộc đời đau khổ, không tin có Phật ở thế gian, muốn giết hại A-la-hán, tranh chấp với Tỳ-kheo Tăng, thường muốn giết người kể cả cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc, bạn bè và cha mẹ anh em vợ con thân thuộc bạn bè nhìn họ bằng tâm ghét bỏ, muốn làm cho chết đi. Họ không tin lời kinh Phật, không tin con người sau khi chết sẽ tái sinh, không tin làm việc thiện được tốt đẹp, không tin làm ác sẽ bị quả xấu. Những người nam, người nữ này tâm ý đều ngang ngược, phản nghịch, ngu si, mê muội, sân giận, ham thích dục lạc, chẳng biết gì cả, rồi tự cho mình là tốt đẹp an vui có trí tuệ lớn, nhưng thực ra họ không biết mình từ đâu sinh ra, sau khi chết sẽ đi về đâu. Và lại, họ không có lòng từ hiếu thuận mà còn ác nghịch với đất trời, trong lúc đó lại mong cầu sự may mắn, muốn được sống lâu, thân mãi tồn tại không chết. Tuy nhiên, cuối cùng sẽ quy tụ về con đường sinh tử, thiện ác khổ cực. Mặc dù gánh chịu nhiều nỗi thống khổ bức thiết như vậy, nhưng có bậc minh sư chỉ dạy phương cách để thoát khỏi các lỗi lầm xấu ác trong cõi sinh tử này thì họ lại không tin theo. Dù có khổ tâm nhọc lời với họ, muốn cho họ được độ thoát cũng chỉ vô ích mà thôi. Vì tâm họ bị bế tắc, ý không cởi mở, nên không dễ gì tiếp nhận lời huấn thị. Thế rồi khi sự sống chết kề cận họ lại hối hận ăn năn thì than ôi đã quá muộn màng. Trước không lo làm thiện, đợi đến lúc cùng cực mới lo, nào có ích gì! Do vậy, giữa đất trời mệnh mông, năm đường ác trải rộng thênh thang sâu thẳm khiến họ tự lao vào trong đó, rồi mãi mãi nhận lấy thiện ác khổ đau xoay vần tiếp nối và thân phải gánh vác tất cả chứ không một ai có thể thay thế được. Theo hạnh nghiệp đã tạo, họ tự thác sinh vào cõi tương ứng. Người lành làm việc thiện, từ hòa, hiếu hạnh thì từ nơi an lạc trở về an lạc, từ ánh sáng trở về ánh sáng. Người ác làm việc xấu thì từ nơi khổ đi đến chốn tối tăm. Ai có thể biết được điều này? Chỉ có Phật mới thấy biết mà thôi. Rất ít người tin theo lời chỉ dạy của bậc Đạo sư, nên sinh tử không ngưng, đường ác không dứt. Người đời như vậy không thể nói

đạo lý được, cho nên có kẻ tự rơi vào chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho đến loài côn trùng nhỏ nhít và quần quanh trong những nơi này đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được giải thoát, khổ đau như thế làm sao nói hết! Đây là năm điều ác, năm sự thống khổ, năm sự thiêu đốt.

Khổ đau như vậy cũng giống như lửa lớn bốc cháy thiêu đốt thân người. Nếu người nào có thể ở trong cảnh ấy mà nhất tâm định ý, đoan thân chánh hạnh, lời nói và hành động tương xứng, việc làm chí thành, nói lời chân thật, tâm và khẩu không thay đổi, siêng làm những việc thiện, không làm những điều ác, thì nhờ phước đức này mà thân được độ thoát, được nhiều tuổi thọ và vượt khỏi thế gian, lên trời, và đắc đạo Niết-bàn. Đây là năm điều đại thiện.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và đại chúng:

–Ta đã nói cho các người biết về năm ác ở đời này. Sự khổ đau ấy tiếp nối khiến cho năm điều thống khổ và năm sự thiêu đốt đấy khởi rồi lần lượt sinh ra nhau. Thông thường người ở thế gian không chịu làm thiện mà muốn làm các việc ác, đã phạm các việc ác này thì tự nhiên đều phải tuần tự đi vào con đường ác. Hạng người này ở đời hiện tại bị tai ương bệnh tật, không thấy biết sự sống chết. Đến khi nhắm mắt qua đời họ rơi vào chỗ cực khổ vô cùng với nhiều ưu sầu tàn khốc, rồi tự thiêu đốt nhau và chuyển dần đến hủy diệt. Sau đó, những người này cùng tạo thành oan gia sát hại lẫn nhau, từ chuyện nhỏ nhặt gây ra chống đối nhau kịch liệt, những quả báo này đều từ tham dâm tài sắc, không chịu nhẫn nhục bố thí mà muốn mình được an vui, không ngay thẳng mà muốn được danh tiếng lẫy lừng. Vì si mê dục vọng nên tư tưởng bị thúc bách theo tâm, không được như ý nên kết phần giận trong lòng, bị tài sắc trói buộc nên không có giải thoát, do ham muốn tranh chấp không biết nhàm chán nên chẳng lúc nào tự xét lại mình. Khi vinh hoa phú quý thì lại tự thọ dụng mà không biết bố thí làm thiện. Oai đức chẳng được bao nhiêu nên thường thuận theo nghiệp ác khiến thân tâm chịu nhiều đau khổ càng lúc càng thống thiết và nghiệp ác ấy đeo đẳng mãi không thể nào thoát ra được. Phép nước được ban hành thì cũng phải tính toán cân nhắc và lo lắng điều chỉnh thế nào cho phù hợp từ trên xuống dưới trong một cơ cấu kỷ cương hết sức chặt chẽ và nơm nớp sợ hãi đầy đọa trong chốn lao tù,

vì hoàn toàn không hiểu nghĩa lý, không biết chánh đạo. Thật đáng thương thay!

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và đại chúng:

–Nếu ở đời có Phật A-di-đà xuất hiện, thì nhờ vào oai thần của Đức Phật từ bi thương xót mà các việc ác tiêu trừ, khiến mọi người bỏ ác, thành tựu hạnh lành, buông xả sự nghĩ suy, tiếp nhận và phụng trì kinh giới, thực hành theo kinh pháp không dám sai trái, vượt khỏi thế gian, đắc đạo Niết-bàn vô vi vô cùng an vui tốt đẹp.

Đức Phật dạy:

–Nếu có hàng chư Thiên, vua quan, dân chúng và người đời sau nào được nghe lời kinh Phật mà suy nghĩ thật chín chắn và đoạn tâm chánh hạnh theo trong ý kinh, thì tất cả mọi chuyện đều thành tựu tốt đẹp. Vua chúa làm điều thiện để nêu gương hóa độ và xem xét chế ngự dân lành. Dạy dỗ một người, rồi chuyển thành sắc lệnh, dẫn đến cùng nhau làm thiện, cùng nhau được độ thoát. Ai cũng tự giữ oai nghi, nhân từ, thương xót, suốt đời không lười nhác, biết tôn kính Hiền Thánh, hiếu thuận, thông minh, bác ái, không dám sơ suất, lo tu tập vượt khỏi thế gian khổ não, đạt đạo Niết-bàn, lo đoạn tận sự thống khổ trong đường sinh tử và nhổ sạch gốc rễ xấu ác, đoạn tuyệt đường khổ đau độc ác, nơi loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, loài côn trùng nhỏ nhít, sẽ gặp Phật ở đời và kiên trì đọc tụng kinh đạo, không dám sai trái.

Đức Phật dạy:

–Này Tỳ-kheo! Việc khẩn cấp thứ nhất của người biết tin tưởng là gì? Là nên giữ thân ngay ngắn, giữ tâm ngay thẳng, giữ mắt đoạn nghiêm, giữ tai cẩn thận, giữ mũi chính đáng, giữ miệng cẩn trọng, giữ tay nghiêm chỉnh, giữ chân nghiêm chỉnh, mới có thể tự kiểm soát và điều phục thân tâm, không nên vọng động. Thân tâm trong sạch đều tương ứng với thiện. Phải kiềm chế cả nội tâm lẫn ngoại thân, chớ nên chạy theo sự ham thích dục lạc, không phạm phải những lời nói ác, khí sắc phải nhu hòa, thân hành phải chuyên nhất. Tất cả những hành động như đi, đứng, nằm, ngồi phải an bình. Muốn làm việc gì trước phải tính toán, suy nghĩ thật chín chắn, tùy theo sức mình, xem xét và sắp xếp quá trình thực hiện ổn định rồi mới làm. Việc làm mà vội vã hấp tấp không tính toán kỹ lưỡng thì việc ấy không chắc chắn, mất

công. Việc đã hỏng, sau đó hối tiếc, tràn đầy đau khổ cho đến mất thân và đánh mất luôn tâm chí thành mong muốn đạt đạo.

Đức Phật dạy:

–Các người hãy làm nhiều việc thiện hơn nữa, như ban ân bố đức không phạm điều cấm kỵ, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, dần dần giáo hóa cho mọi người tu thiện, làm phước đức theo kinh pháp này. Tâm từ chuyên nhất, trai giới thanh tịnh trong một ngày một đêm thì công đức ấy thù thắng hơn những người ở nước Phật A-di-đà làm thiện một trăm năm. Vì sao? Vì những người ở nước Phật A-di-đà đều tích đức, tu nhiều nghiệp thiện, vô vi tự nhiên đối với sự mong cầu. Họ không có những việc ác, dù là bằng sợi lông, sợi tóc.

Đức Phật dạy:

–Đối với những người ở cõi này làm việc thiện trong mười ngày mười đêm thì công đức ấy thù thắng hơn cả dân chúng trong cõi phương khác làm thiện cả ngàn năm. Vì sao? Vì dân chúng ở cõi nước phương khác đều làm thiện. Người làm thiện thì nhiều mà người làm ác thì ít. Họ có mọi vật dụng tự nhiên, không phải tìm cầu hay làm lụng. Người ở thế gian làm ác thì nhiều mà làm thiện thì ít, nếu không tìm cầu hay làm lụng thì không có vật dụng. Thế nên người ở thế gian có thể tự đoan thân chánh niệm làm thiện và chí tâm cầu đạo mới được như vậy. Người ở thế gian không có sự cung cấp tự nhiên mà phải tìm cầu khổ nhọc để kiếm sống. Từ đó sinh ra sự lưỡng gạc, đối trá, tốt xấu. Được của cải rồi mang về cung cấp cho vợ con, khổ thân nhọc tâm, cuối cùng đưa đến tâm ý luôn bị bất an, chẳng được thông dong nhân hạ. Người nào có thể tự an tịnh, làm việc thiện, tinh tấn tu đức thì mới có thể được như vậy.

Đức Phật dạy:

–Ta rất thương xót các người và chư Thiên, vua quan, dân chúng. Ta chỉ dạy cho mọi người làm thiện, không làm ác. Tùy theo khả năng của họ có thể tiếp nhận mà Ta đem đạo chỉ dạy, giảng giải, dắt dìu để thực hành theo. Tức thì vua noi theo sự giáo hóa làm thiện, chỉ dạy lại quần thần, cha chỉ dạy cho con, anh chỉ dạy cho em, chồng chỉ dạy cho vợ, bà con thân thuộc, bạn bè trong nhà ngoài cửa cùng chỉ dạy cho nhau tu thiện, hành đạo, tụng kinh, giữ giới. Mọi người đều tự nghiêm thân định ý, trên dưới cùng nhắc nhở nhau, không kể lớn hay nhỏ, nam

hay nữ đều trai giới thanh tịnh nên tất cả đều được an vui, hòa thuận tình lý, hoan lạc, từ hiếu, cùng sách tấn nhau. Có người gặp được lời kinh Phật, đều gìn giữ và suy nghĩ sâu xa điều không nên làm nhưng đã phạm phải nên tự ăn năn tội ác đã qua, tích lũy nghiệp thiện, bỏ tà làm chánh, sáng nghe chiều cải hối, phụng trì giới tịnh tấn như người nghèo gặp được cửa báu. Bất cứ ở đâu, nơi Phật đến đều truyền trao giới kinh. Chư Thiên, chư thần, mặt trời, trăng, sao, vua chúa, quan quân, trưởng giả, dân chúng, rồng, quỷ thần, địa ngục, súc sinh, ngựa quý cho đến loài côn trùng nhỏ nhít... đều đem từ tâm khai mở. Tất cả đều kính thờ, tôn kính theo Phật, tiếp nhận kinh đạo, vâng thọ thực hành. Tức thời vua cải hóa làm thiện, trai giới thanh tịnh, gột sạch thân tâm, đoan tâm chánh hạnh, ở địa vị cao nghiêm, chỉ dạy cho mọi người tuân theo làm thiện, thực hành theo giới cấm, nói và làm chân chánh. Quan phụng sự vua, tuân lệnh, trung trực, không dám chống trái xem thường. Cha nói con nghe, hiếu thuận làm theo anh em, chồng vợ, bà con, bè bạn trên dưới, lời lẽ thuận hòa, thứ bậc lớn nhỏ, biết kính nhường nhau, xem lễ như nghĩa, không bỏ việc gột rửa thân tâm, thay đổi hành vi trong ngoài đoan chánh, tự nhiên làm thiện, ước nguyện viên thành. Tất cả nghiệp thiện được chuyển hóa theo đạo tự nhiên, nên cầu sống lâu thì được trường thọ, cầu xuất thế thì được đạo Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

–Oai thần của Phật rất cao, rất quý, làm tiêu ác hóa thành thiện và độ thoát tất cả. Nay Ta ra đời làm Phật, ở nơi thế gian nhiều khổ đau xấu ác này thương yêu chỉ dạy, dẫn đường cho chư Thiên, vua chúa, quần thần tử hũu, trưởng giả, dân chúng, tùy theo sự mong muốn của họ, Ta đều làm cho đắc đạo. Những nơi nào Phật đã đi qua, như đất nước, quận huyện, làng xóm, núi đồi hay phố chợ v.v... đều được giàu có, dư giả, thiên hạ thái bình, mặt trời, mặt trăng luôn vận hành, sáng tỏa bằng ánh sáng tốt đẹp bội phần, mưa gió thuận hòa, dân chúng an lạc, người mạnh không hiếp kẻ yếu, ai cũng được toại nguyện, không có năm tật dịch, không có người bệnh gầy còm, binh đao không nổi dậy. Trong nước không có giặc cướp, không có sự oan uổng, không có người bị giam cầm tù tội. Vua quan, dân chúng đều vui vẻ hân hoan, hiền lành, trung hậu, chí thành. Ai cũng tự giữ mình

ngay thật và biết bảo vệ quốc gia ôn hòa, hiếu thuận, hưởng thọ vui vẻ, biết cùng nhau ban ân thí đức, tâm hoan hỷ cùng yêu kính nhau, nhường nhịn khiêm tốn, dùng lễ kính thờ theo thứ bậc trước sau, như cha như con, như anh như em. Ai cũng là bậc hiền nhân, tiết lễ thuận hòa, hoàn toàn không có sự chống đối tranh cãi, vui vẻ tốt đẹp vô cùng.

Đức Phật dạy:

–Ta rất thương xót các người muốn độ thoát tất cả, tha thiết như cha mẹ luôn nghĩ nhớ đến con. Ngày nay chư Thiên, vua quan, dân chúng và loài côn trùng nhỏ nhít khắp mười phương được kinh giới của Phật, phụng hành Phật đạo, đều được tâm tuệ sáng suốt, khai mở. Ai nấy đều được vượt qua sự lo buồn đau khổ và được giải thoát. Nay Ta làm Phật ở nơi đời năm ác, năm sự thống khổ, năm sự thiêu đốt, và đã hàng phục năm ác, làm tiêu tan năm sự thống khổ và diệt mất năm sự thiêu đốt ấy. Ta lấy thiện hàng phục ác, nhổ bỏ khổ đau, làm cho được năm đường, được năm điều thiện sáng tốt, đốt cháy ác không cho nổi dậy. Sau khi Ta nhập Niết-bàn, kinh đạo mất dần, dân chúng xảo trá, rồi lại dần dần làm các việc ác, không làm các việc thiện, năm sự thiêu đốt nổi lên, năm nỗi thống khổ trở dậy kịch liệt. Các việc xấu ác như trước tự nhiên trở lại. Thời gian lâu sau trở nên dữ dội không thể nói hết. Ta chỉ nói chút ít cho các người biết mà thôi.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và đại chúng:

–Các người hãy suy nghĩ và nhớ lời Ta dạy, lần lượt chỉ bảo cho nhau, như kinh pháp Phật không nên trái phạm.

Bồ-tát A-dật quỳ xuống, chấp tay thưa:

–Thế Tôn đã nói về sự thống khổ cùng cực do người đời làm ác mới trở nên kịch liệt như vậy. Thế Tôn từ bi thương xót độ thoát tất cả. Chúng con xin tiếp nhận lời dạy cao quý của Phật, lần lượt chỉ dạy nhau không dám trái phạm.

Đức Phật bảo A-nan:

–Ta thương tưởng các người, làm cho tất cả được thấy Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán ở cõi nước ấy. Các người có muốn thấy chăng?

Hiền giả A-nan rất vui mừng, quỳ xuống chấp tay thưa:

–Xin cho chúng con được thấy.

Đức Phật bảo:

–Người hãy đứng lên sửa y và chắp tay hướng về phương Tây - phía mặt trời lặn - đánh lễ Phật A-di-đà, cúi đầu sát đất, nói: “Nam-mô A-di-đà Chánh Đẳng Chánh Giác”.

Hiền giả A-nan thưa:

–Chúng con xin vâng lời. Hiền giả đứng dậy, chắp tay hướng phương Tây - phía mặt trời lặn - đánh lễ Phật A-di-đà, cúi đầu sát đất nói: Nam-mô A-di-đà Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hiền giả chưa kịp đứng lên thì Phật A-di-đà liền vận oai thần phóng ra hào quang sáng tỏa đến vô số cõi nước khắp mười phương. Vô số khắp đất trời đều chấn động lớn. Lưới báu núi Tu-di, lưới báu núi Đại Tu-di, trong vô số đất trời, cõi nhỏ, cõi lớn, địa ngục nhỏ, địa ngục lớn, các núi rừng, khe suối, chỗ hang hốc tối tăm trong vô số đất trời đều được ánh sáng lớn ấy chiếu rọi. Tức thời Hiền giả A-nan, các Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên, vua chúa, dân chúng đều được trông thấy Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán nơi cõi nước bằng bảy báu, nên lòng vô cùng hân hoan phấn chấn, tất cả đều đứng lên đánh lễ Đức Phật A-di-đà, cúi đầu sát đất và nói: Nam-mô A-di-đà Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật A-di-đà phóng ra hào quang lớn oai thần làm cho vô số chư Thiên, dân chúng và loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít đều được thấy ánh sáng của Phật, không ai mà không có tâm từ hoan hỷ. Những chốn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ đang bị tra khảo, nơi đau khổ nhọc nhằn tức thời được ngưng nghỉ, không còn bị tra khảo nữa, đều được thoát khỏi lo buồn khổ não. Những người mù liền được trông thấy, những người điếc liền được nghe, những người câm liền được nói, những người gù được thẳng lưng, những người què quặt liền đi được, những người bệnh liền được khỏi, những người yếu đuối liền được khang kiện, những người ngu si liền được trí tuệ, những người dâm dục liền được phạm hạnh, những người nóng giận hung dữ đều được tâm từ và làm thiện, những người bị ngộ độc thì không bị độc hành hạ. Tất cả những nhạc cụ như: chuông, khánh, đàn cầm, đàn sắt, ống sáo v.v... không đánh mà vẫn tự tạo thành năm thứ âm thanh. Vòng xuyên của phụ nữ đều tự phát thành tiếng. Trăm giống chim muông đều tự cất tiếng hót vang. Ngay lúc ấy, không ai mà không vui mừng, thích được

hóa độ.

Bấy giờ, chư Thiên, dân chúng ở các cõi nước đều mang hương hoa từ cõi trời đến. Họ ở trên hư không rải hoa cúng dường trên chư Phật và Đức Phật A-di-đà. Chư Thiên cùng trỗi lên vạn loại kỹ nhạc. Trong lúc này, chư Phật và Bồ-tát, A-la-hán đều rất vui vẻ an lạc, không thể dùng ngôn từ diễn tả được.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan, Bồ-tát A-dật và đại chúng:

–Ta đã nói về Đức Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán cùng bảy báu tự nhiên của cõi nước ấy, có chút gì sai khác không?

Hiền giả A-nan quỳ xuống, chấp tay thưa:

–Thế Tôn đã nói về sự tốt đẹp, an lạc của cõi Phật A-di-đà, thật đúng như vậy, không có gì sai khác.

Đức Phật dạy:

–Nếu Ta nói về sự tốt đẹp, an lạc của cõi nước và công đức của Phật A-di-đà suốt cả ngày đêm trọn một kiếp vẫn không thể hết được. Ở đây Ta chỉ vì các người nói sơ lược mà thôi.

Bồ-tát A-dật quỳ xuống, chấp tay hỏi Phật:

–Trong cõi Phật hiện nay có bao nhiêu Bồ-tát bất thoái chuyển được sinh sang cõi Phật A-di-đà? Con muốn nghe điều này.

Đức Phật bảo:

–Nếu người muốn biết thì hãy lắng nghe cho kỹ.

Bồ-tát A-dật thưa:

–Con xin vâng lời.

Đức Phật dạy:

–Trong cõi nước của Ta sẽ có bảy trăm hai mươi ức Bồ-tát bất thoái chuyển, sinh sang cõi Phật A-di-đà. Một vị Bồ-tát bất thoái chuyển sẽ lần lượt cúng dường vô số chư Phật, tiếp đến sẽ thành Phật như Bồ-tát Di-lặc. Ngoài ra còn có vô số các Bồ-tát nhỏ - nhiều không thể tính hết được - đều sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

–Không những chỉ có các Bồ-tát trong cõi nước của Ta sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà, mà còn tại cõi Phật ở các nước phương khác cũng có Bồ-tát sinh sang cõi Phật ấy nhiều như vậy.

Phật thứ nhất hiệu Đầu-lâu-hòa-tư, có một trăm tám mươi ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ hai hiệu La-lân-na-a-kiệt, có chín mươi ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ ba hiệu Châu-đê-bỉ-hội, có hai trăm hai mươi ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ tư hiệu A-mật-quỳ-la-tát, có hai trăm năm mươi ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ năm hiệu Lâu-ba-lê-ba-thái-tế, có sáu trăm ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ sáu hiệu Na-duy-vu-thái, có một vạn bốn ngàn Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ bảy hiệu Duy-lê-ba-la-phan-thái, có mười lăm Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ tám hiệu Hòa-a-thái, có tám Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ chín hiệu Thi-lợi-quần-thái, có tám trăm mười ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười hiệu Na-tha-thái, có vạn ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười một hiệu Hòa-la-na-duy-vu-thái, có một vạn hai ngàn Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười hai hiệu Phí-bá-đồ-da-thái, trong cõi nước của Đức Phật ấy, có các Bồ-tát nhiều vô số không thể tính hết, đều là những bậc Bất thoái chuyển có trí tuệ dũng mãnh và đã cúng dường vô số chư Phật, cùng một tâm nguyện muốn được vãng sinh. Tất cả đều sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười ba hiệu Tùy-a-duyệt-kỳ-ba-đa-thái, có bảy trăm chín mươi ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Đức Phật dạy:

–Các Bồ-tát này đều là bậc Bất thoái chuyển. Trong đó có các Tỳ-kheo Tăng và vô số các Bồ-tát nhỏ cũng sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà. Không riêng gì các Bồ-tát trong mười bốn cõi Phật này sẽ vắng sinh, mà có vô số các Bồ-tát ở các cõi nước khắp mười phương cũng sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà. Số Bồ-tát nhiều vô lượng, họ cùng sang vân tập tại cõi nước Phật A-di-đà, đông không thể tính hết. Nếu Ta nói về danh hiệu của vô số chư Phật khắp mười phương suốt ngày đêm trọn một kiếp vẫn không thể nào nói hết được. Cũng như nói về những người, các Tỳ-kheo Tăng và các Bồ-tát ở các cõi nước sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà suốt trong một kiếp không ngừng nghỉ vẫn không thể nói hết được. Ở đây Ta chỉ vì các người nói tóm tắt mà thôi.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan và Bồ-tát A-dật cùng đại chúng:

–Các vua quan, dân chúng, các thiện nam, thiện nữ ở thế gian này đời trước đã làm nghiệp thiện, được phước lộc tràn đầy nên mới được nghe âm thanh của Phật A-di-đà. Họ rất vui vẻ an lạc. Ta hoan hỷ thay cho họ.

Đức Phật dạy:

–Có những thiện nam, thiện nữ nào được nghe âm thanh của Phật A-di-đà, tâm từ hoan hỷ vô cùng, tâm ý trong sạch, xúc động và rơi lệ thì những người này do đời trước đã thực hành Phật đạo. Nếu các cõi Phật và Bồ-tát ở nơi phương khác mà trong đó có người nam, người nữ hay người dân nào nghe âm thanh của Phật A-di-đà mà không tin là có Phật, không tin lời kinh Phật, không tin có Tỳ-kheo Tăng, trong tâm đầy nghi ngờ, hoàn toàn không tin gì cả, thì những người này sinh ra từ nơi đường ác, ngu si không biết đời trước, chưa dứt những tai ương xấu ác, cho nên vẫn chưa được độ thoát. Do trong tâm còn nghi ngờ nên không có sự tín hướng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Ta bảo các người rằng, nếu các người thực hành pháp thiện, thì hãy nên phụng hành niềm tin nơi Phật A-di-đà, không được nghi ngờ. Sau khi Ta nhập Niết-bàn, các người và người đời sau không được nói:

“Ta không tin có cõi Phật A-di-đà”. Nay Ta làm cho các người được trông thấy cõi nước Phật A-di-đà, thể hiện theo sự mong cầu của các người. Ta nói đầy đủ cho các người về pháp kinh giới cấm. Các người hãy giữ gìn như pháp Phật, không được hủy hoại. Ta trao kinh này cho các người, các người hãy giữ kinh thật vững bền, không nên thêm bớt pháp kinh một cách sai lầm. Sau khi Ta nhập Niết-bàn, kinh đạo chỉ lưu lại một ngàn năm. Sau một ngàn năm, kinh đạo mất hẳn. Vì lòng thương tưởng, Ta lưu lại pháp kinh này chỉ tồn tại suốt trăm năm, hết một trăm năm mới mất hẳn. Tùy theo tâm nghiệp của mỗi người mà có thể tu hành đắc đạo.

Đức Phật dạy:

–Đấng Đạo sư là bậc dẫn đường, trí tuệ sáng suốt, cứu độ mọi loài, làm cho họ đắc đạo Niết-bàn tốt đẹp. Các người thường nên từ hiếu với Phật như cha mẹ, thường nhớ nghĩ ân thầy, luôn nhớ nghĩ ân đức không thôi. Được như vậy các người sẽ nhanh chóng thành đạo quả.

Đức Phật dạy:

–Thế gian có Phật thật khó gặp thay! Thật là khó gặp Đạo sư hay Sa-môn vì mọi người kinh này.

Khi Đức Phật giảng nói kinh này, tức thời có một vạn hai ngàn ức chư Thiên, loài người đều được thiên nhãn, thấy xuyên suốt tất cả. Họ nhất tâm thực hành đạo Bồ-tát. Có hai trăm ức chư Thiên và loài người đắc đạo A-na-hàm. Có tám trăm Sa-môn đều đắc đạo A-la-hán. Có bốn mươi ức Bồ-tát đạt đạo Bất thoái chuyển.

Phật thuyết giảng kinh này xong, các Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên, vua quan, dân chúng vô cùng hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh ba vòng, rồi đến trước Phật cung kính đảnh lễ dưới chân Ngài rồi lui ra.

